

NGHỊ QUYẾT

**Về kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn Ngân sách Trung ương thực hiện
Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào
dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 và năm 2022
trên địa bàn tỉnh Nghệ An**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN
KHOÁ XVIII, KỲ HỌP THỨ 9

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 cho các địa phương thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia; Quyết định số 653/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách trung ương năm 2022 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 và hằng năm trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An về Kế hoạch phân bổ vốn và cơ chế huy động, lồng ghép các nguồn vốn thực hiện thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 và năm 2022 trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Xét Tờ trình số 7956/TTr-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An; Báo cáo thẩm tra của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn Ngân sách Trung ương để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 và năm 2022 trên địa bàn tỉnh Nghệ An như sau:

1. Kế hoạch giai đoạn 2021 - 2025: 2.632.560 triệu đồng. Trong đó:
 - a) Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt: 161.681 triệu đồng.
 - b) Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết: 86.596 triệu đồng.
 - c) Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị: 28.733 triệu đồng.
 - d) Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực dân tộc: 1.666.502 triệu đồng.
 - đ) Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực: 418.722 triệu đồng.
 - e) Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch: 77.403 triệu đồng.
 - g) Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em: 59.970 triệu đồng.
 - h) Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn: 97.306 triệu đồng.
 - i) Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình: 35.647 triệu đồng.

2. Kế hoạch năm 2022: 492.540 triệu đồng. Trong đó:

a) Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt: 46.735 triệu đồng.

b) Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết: 15.587 triệu đồng.

c) Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực dân tộc: 308.808 triệu đồng.

d) Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực: 75.370 triệu đồng.

đ) Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch: 17.730 triệu đồng.

e) Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em: 10.795 triệu đồng.

g) Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn: 17.515 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An Khoá XVIII, Kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 12 tháng 10 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày thông qua. /.

Nơi nhận: 24

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ (để b/c);
- Ủy ban Dân tộc, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (để b/c);
- TT.Tỉnh uỷ, TT. HĐND tỉnh, UBND tỉnh, UB MTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban, Tổ đại biểu, Đại biểu HĐND tỉnh;
- Toà án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Website <http://dbndnghean.vn>;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Thái Thanh Quý

Phụ lục I

**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH
MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI
GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ NĂM 2022**

Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt

(Kèm theo Nghị quyết số: 45/NQ-HĐND ngày 12 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022	Ghi chú
1	2	3	4	5
	Tổng cộng	161.681,00	46.735,00	
I	Huyện Kỳ Sơn	30.757,00	8.940,00	
I.1	Hỗ trợ đất ở	440,00	440,00	
I.2	Hỗ trợ nhà ở	5.080,00	4.520,00	
I.3	Hỗ trợ đất sản xuất	10.237,50		
I.4	Nước sinh hoạt tập trung	14.999,50	3.980,00	
1	Xây dựng công trình nước sinh hoạt tập trung bản Noọng Đẻ, xã Nậm Cắn, huyện Kỳ Sơn	2.499,50	980,00	
2	Xây dựng công trình nước sinh hoạt tập trung bản Hòa Lý, xã Mỹ Lý, huyện Kỳ Sơn	1.100,00	600,00	
3	Xây dựng công trình nước sinh hoạt tập trung cho 04 bản Trung Tâm - Mường Lống 1- Mường Lống 2 - Long Kèo, xã Mường Lống, huyện Kỳ Sơn.	2.300,00	900,00	
4	Xây dựng công trình nước sinh hoạt tập trung bản Huồi Giăng 1, Huồi Giăng 2 xã Tây Sơn, huyện Kỳ Sơn	2.000,00	900,00	
5	Xây dựng công trình nước sinh hoạt tập trung bản Lưu Tân, xã Bảo Nam, huyện Kỳ Sơn	1.100,00	600,00	
6	Xây dựng công trình nước sinh hoạt tập trung khu tái định cư bản Xốp Tụ, xã Mỹ Lý, huyện Kỳ Sơn	1.100,00		
7	Xây dựng công trình nước sinh hoạt tập trung bản Na Nhu, xã Tà Cạ, huyện Kỳ Sơn	900,00		
8	Xây dựng công trình nước sinh hoạt tập trung khu tái định cư bản Nam Tiến 2, xã Bảo Nam, huyện Kỳ Sơn	1.100,00		
9	Xây dựng công trình nước sinh hoạt tập trung liên bản Kèo Lực 1- 2 - 3 xã Phà Đánh, huyện Kỳ Sơn	900,00		
10	Xây dựng công trình nước sinh hoạt tập trung cho các bản: Huồi Đụn - Trung Tâm - Huồi Lê, xã Huồi Tụ, huyện Kỳ Sơn	2.000,00		
II	Huyện Tương Dương	29.453,00	6.990,00	
II.1	Hỗ trợ đất ở	400,00	400,00	
II.2	Hỗ trợ nhà ở	5.200,00	2.600,00	
II.3	Hỗ trợ đất sản xuất	8.842,50		
II.4	Nước sinh hoạt tập trung	15.010,50	3.990,00	
1	Xây dựng công trình nước sinh hoạt tập trung xã Lưu Kiền	3.000,00	1.990,00	
2	Xây dựng công trình nước sinh hoạt tập trung xã Hữu Khuông	3.000,00		
3	Xây dựng công trình nước sinh hoạt tập trung xã Nhôn Mai	3.000,00		
4	Xây dựng công trình nước sinh hoạt tập trung xã Nga My	3.000,00	2.000,00	

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022	Ghi chú
1	2	3	4	5
5	Xây dựng công trình nước sinh hoạt tập trung xã Tam Quang	3.010,50		
III	Huyện Con Cuông	22.735,00	5.490,00	
III.1	Hỗ trợ đất ở			
III.2	Hỗ trợ nhà ở	3.280,00	1.520,00	
III.3	Hỗ trợ đất sản xuất	4.455,00		
III.4	Nước sinh hoạt tập trung	15.000,00	3.970,00	
1	Xây dựng công trình nước sinh hoạt tập trung bản Tân Hòa, xã Môn Sơn	2.300,00	900,00	
2	Xây dựng công trình nước sinh hoạt tập trung bản Mết, xã Lục Dạ	2.800,00		
3	Xây dựng công trình nước sinh hoạt tập trung bản Bu, xã Châu Khê	1.300,00	600,00	
4	Xây dựng công trình nước sinh hoạt tập trung bản Bạch Sơn, xã Cam Lâm	2.300,00	970,00	
5	Xây dựng công trình nước sinh hoạt tập trung bản Quăn, bản Tông, xã Bình Chuẩn	2.000,00	800,00	
6	Xây dựng công trình nước sinh hoạt tập trung bản Ké Sùng, Ké Trảng xã Mậu Đức	2.600,00		
7	Xây dựng công trình nước sinh hoạt tập trung bản Pá Hạ, xã Thạch Ngàn (cụm dân cư Đan Lai)	1.700,00	700,00	
IV	Huyện Anh Sơn	4.863,00	2.147,00	
IV.1	Hỗ trợ đất ở			
IV.2	Hỗ trợ nhà ở	1.120,00	160,00	
IV.3	Hỗ trợ đất sản xuất	742,50		
IV.4	Nước sinh hoạt tập trung	3.000,50	1.987,00	
1	Xây dựng công trình nước sinh hoạt tập trung bản Đông Thọ, xã Thọ Sơn, huyện Anh Sơn	3.000,50	1.987,00	
V	Huyện Tân Kỳ	12.041,00	4.040,00	
V.1	Hỗ trợ đất ở			
V.2	Hỗ trợ nhà ở	40,00	40,00	
V.3	Hỗ trợ đất sản xuất			
V.4	Nước sinh hoạt tập trung	12.001,00	4.000,00	
1	Xây dựng công trình nước sinh hoạt tập trung xóm Đồng Tâm, xã Đồng Văn, huyện Tân Kỳ	3.001,00	2.000,00	
2	Xây dựng công trình nước sinh hoạt tập trung xóm Khe Sơn, xã Đồng Văn, huyện Tân Kỳ	3.000,00		
3	Xây dựng công trình nước sinh hoạt tập trung bản Chiềng, xã Tiên Kỳ, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An	3.000,00	2.000,00	
4	Xây dựng công trình nước sinh hoạt tập trung bản Phầy - Thái Minh, xã Tiên Kỳ, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An	3.000,00		
VI	Huyện Quế Phong	25.050,00	6.685,00	
VI.1	Hỗ trợ đất ở	400,00	400,00	
VI.2	Hỗ trợ nhà ở	3.800,00	2.320,00	
VI.3	Hỗ trợ đất sản xuất	5.850,00		
VI.4	Nước sinh hoạt tập trung	15.000,00	3.965,00	
1	Xây dựng công trình nước sinh hoạt tập trung trên địa bàn xã Đồng Văn, huyện Quế Phong	3.000,00	1.965,00	

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022	Ghi chú
1	2	3	4	5
2	Cải tạo, nâng cấp công trình cấp nước sinh hoạt tập trung xã Hạnh Dịch, huyện Quế Phong	3.000,00	1.200,00	
3	Xây dựng công trình nước sinh hoạt tập trung trên địa bàn xã Châu Kim, huyện Quế Phong	1.300,00	800,00	
4	Cải tạo, nâng cấp các công trình cấp nước sinh hoạt tập trung xã Nậm Nhoóng, huyện Quế Phong	1.500,00		
5	Cải tạo, nâng cấp các công trình cấp nước sinh hoạt tập trung xã Cẩm Muộn, huyện Quế Phong	1.500,00		
6	Cải tạo, nâng cấp các công trình cấp nước sinh hoạt tập trung xã Quang Phong, huyện Quế Phong	1.500,00		
7	Cải tạo, nâng cấp các công trình cấp nước sinh hoạt tập trung xã Nậm Giải, huyện Quỳnh Châu	1.700,00		
8	Xây dựng và cải tạo, nâng cấp các công trình cấp nước sinh hoạt tập trung trên địa bàn xã Châu Thôn, huyện Quế Phong	1.500,00		
VII	Huyện Quỳnh Châu	11.520,00	4.440,00	
VII.1	Hỗ trợ đất ở			
VII.2	Hỗ trợ nhà ở	2.520,00	440,00	
VII.3	Hỗ trợ đất sản xuất			
VII.4	Nước sinh hoạt tập trung	9.000,00	4.000,00	
1	Xây dựng công trình nước sinh hoạt tập trung bản Chiềng Nong, xã Châu Thuận, huyện Quỳnh Châu	3.000,00	2.000,00	
2	Xây dựng công trình nước sinh hoạt tập trung bản Chàng Piu, xã Châu Thuận, huyện Quỳnh Châu	1.000,00		
3	Xây dựng công trình nước sinh hoạt tập trung Khu trung tâm xã Diên Lâm, huyện Quỳnh Châu	2.200,00	1.000,00	
4	Xây dựng công trình nước sinh hoạt tập trung bản Đôm 1, Đôm 2, xã Châu Phong, huyện Quỳnh Châu	2.800,00	1.000,00	
VIII	Huyện Quỳnh Hợp	21.742,00	5.883,00	
VIII.1	Hỗ trợ đất ở			
VIII.2	Hỗ trợ nhà ở	3.720,00	880,00	
VIII.3	Hỗ trợ đất sản xuất	22,50		
VIII.4	Nước sinh hoạt tập trung	17.999,50	5.003,00	
1	Xây dựng công trình nước sinh hoạt tập trung bản Khệt, xã Liên Hợp, huyện Quỳnh Hợp	2.999,50	1.700,00	
2	Xây dựng công trình nước sinh hoạt tập trung bản Xải, xã Liên Hợp, huyện Quỳnh Hợp	3.000,00	1.700,00	
3	Xây dựng công trình nước sinh hoạt tập trung bản Tạt, xã Yên Hợp, huyện Quỳnh Hợp	3.000,00	1.603,00	
4	Xây dựng công trình nước sinh hoạt tập trung bản Khạng, xã Yên Hợp, huyện Quỳnh Hợp	3.000,00		
5	Xây dựng công trình nước sinh hoạt tập trung xóm Tây Lợi, xã Văn Lợi, huyện Quỳnh Hợp	3.000,00		
6	Xây dựng công trình nước sinh hoạt tập trung xóm Xuân Lợi, xã Văn Lợi, huyện Quỳnh Hợp	3.000,00		
IX	Huyện Nghĩa Đàn	3.520,00	2.120,00	
IX.1	Hỗ trợ đất ở			
IX.2	Hỗ trợ nhà ở	520,00	120,00	
IX.3	Hỗ trợ đất sản xuất			
IX.4	Nước sinh hoạt tập trung	3.000,00	2.000,00	

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022	Ghi chú
1	2	3	4	5
1	Xây dựng công trình nước sinh hoạt tập trung xóm Tân Cay, xã Nghĩa Lợi, huyện Nghĩa Đàn	3.000,00	2.000,00	

Phụ lục II

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ NĂM 2022

Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết

(Kèm theo Nghị quyết số: 45/NQ-HĐND ngày 12 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022	Ghi chú
I	2	3	4	5
	TỔNG CỘNG	86.596	15.587	
I	Huyện Kỳ Sơn	30.185	5.432	
1	Dự án bố trí, sắp xếp ổn định dân cư bản Xốp Tụ, xã Mỹ Lý, huyện Kỳ Sơn	12.371	2.226	
2	Dự án bố trí, sắp xếp ổn định dân cư bản Nam Tiến 2 xã Bảo Nam, huyện Kỳ Sơn	17.814	3.206	
II	Huyện Tương Dương	34.638	6.235	
1	Dự án khu tái định cư Khe Hộc, bản Huồi Púng, xã Hữu Khuông, huyện Tương Dương	34.638	6.235	
III	Huyện Quế Phong	21.773	3.920	
1	Xây dựng cơ sở hạ tầng điểm định canh, định cư bản Long Thắng, xã Hạnh Dịch, huyện Quế Phong	21.773	3.920	

[Chữ ký]

Phụ lục III

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI

GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ NĂM 2022

Dự án 3 (Tiểu dự án 2): Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

(Kèm theo Nghị quyết số: 45/NQ-HĐND ngày 12 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022	Ghi chú
1	2	3	4	5
	TỔNG CỘNG	28.733		Giao UBND tỉnh căn cứ quy định hiện hành và hướng dẫn của các cơ quan có thẩm quyền để giao chi tiết cho từng danh mục dự án
	Hỗ trợ phát triển dược liệu quý vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	28.733		
1	Huyện Kỳ Sơn	6.643		
2	Huyện Tương Dương	6.642		
3	Huyện Con Cuông	4.403		
4	Huyện Quế Phong	6.642		
5	Huyện Quỳnh Châu	4.403		

Chữ ký

Phụ lục IV

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ NĂM 2022

Dự án 4 (Tiểu dự án 1): Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

(Kèm theo Nghị quyết số: 45/NQ-HĐND ngày 12 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022	Ghi chú
1	2	3	4	5
	TỔNG CỘNG	1.666.502	308.808	
I	Huyện Kỳ Sơn	470.051	64.929	
L1	Xã ĐBK (khu vực III)	214.191	46.897	
	Xã Chiêu Lưu	10.092	2.018	
1	Xây dựng đường giao thông nội bản Xiêng Thù, xã Chiêu Lưu, huyện Kỳ Sơn	1.600	1.300	
2	Xây dựng đường giao thông vào khu nghĩa trang bản Xiêng Thù, xã Chiêu Lưu, huyện Kỳ Sơn	1.100	718	
3	Xây dựng đường giao thông vào khu sản xuất Huồi Càng, bản Cù, xã Chiêu Lưu, huyện Kỳ Sơn	1.500		
4	Cải tạo, nâng cấp nhà văn hóa bản Cù, xã Chiêu Lưu, huyện Kỳ Sơn	892		
5	Cải tạo, nâng cấp nhà văn hóa bản Tạt Thoong, xã Chiêu Lưu, huyện Kỳ Sơn	1.100		
6	Cải tạo, nâng cấp công trình nước sinh hoạt bản Tạt Thoong, xã Chiêu Lưu, huyện Kỳ Sơn	1.100		
7	Xây dựng công trình nước sinh hoạt bản Lưu Thắng, xã Chiêu Lưu, huyện Kỳ Sơn	1.100		
8	Cải tạo, nâng cấp công trình nước sinh hoạt bản Lưu Tiến, xã Chiêu Lưu, huyện Kỳ Sơn	1.000		
9	Cải tạo, nâng cấp công trình nước sinh hoạt bản Lăn, xã Chiêu Lưu, huyện Kỳ Sơn	700		
	Xã Đoạc Mạy	11.637	3.156	
10	Cải tạo, nâng cấp nhà văn hóa bản Phà Léch Phay, xã Đoạc Mạy, huyện Kỳ Sơn	1.000	1.000	
11	Xây dựng trạm y tế Đoạc Mạy và các hạng mục phụ trợ	5.000	2.156	
12	Xây dựng đường giao thông nông thôn từ bản Noọng Hân đi bản Phà Léch Phay, xã Đoạc Mạy, huyện Kỳ Sơn	4.000		
13	Xây dựng đường giao thông nông thôn từ bản Phà Tả - Phà Nội, xã Đoạc Mạy, huyện Kỳ Sơn	1.637		
	Xã Na Ngoi	11.840	2.968	
14	Xây dựng đường giao thông từ ngã 3 Phù Quặc 3 đi bản Huồi Xài, xã Na Ngoi, huyện Kỳ Sơn	2.400	2.400	
15	Xây dựng cầu vòm sắt qua khe Buộc Mú, bản Buộc Mú, xã Na Ngoi, huyện Kỳ Sơn	600	568	
16	Xây dựng công trình thủy lợi bản Na Cáng, xã Na Ngoi, huyện Kỳ Sơn	1.478		
17	Xây dựng nhà văn hoá bản Phù Quặc 2, xã Na Ngoi, huyện Kỳ Sơn	1.100		

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022	Ghi chú
1	2	3	4	5
18	Xây dựng công trình thủy lợi bản Phù Khả 2, xã Na Ngoi - Huyện Kỳ Sơn	1.100		
19	Xây dựng chợ nông thôn xã Na Ngoi huyện Kỳ Sơn	3.440		
20	Xây dựng công trình nước sinh hoạt cho cụm trường học bản Buộc Mú, xã Na Ngoi, huyện Kỳ Sơn	614		
21	Xây dựng công trình thủy lợi bản Huồi Xài, xã Na Ngoi, huyện Kỳ Sơn	1.108		
	Xã Tây Sơn	10.037	2.007	
22	Xây dựng nhà văn hóa bản Huồi Giăng 3, xã Tây Sơn, huyện Kỳ Sơn	1.037	1.037	
23	Xây dựng công trình phụ trợ Trạm y tế xã Tây Sơn, huyện Kỳ Sơn	1.000	970	
24	Xây dựng đường giao thông nông thôn từ bản Huồi Giăng 3 đến bản Lữ Thành, xã Tây Sơn, huyện Kỳ Sơn	8.000		
	Xã Bảo Thắng	10.909	3.433	
25	Xây dựng đường giao thông nông thôn từ bản Xao Va đến UBND xã Bảo Thắng, huyện Kỳ Sơn	10.909	3.433	
	Xã Huồi Tụ	10.872	2.174	
26	Xây dựng công trình phụ trợ khu thể thao bản Huồi Lê, xã Huồi Tụ, huyện Kỳ Sơn	900	750	
27	Xây dựng nhà văn hóa bản Huồi Khe, xã Huồi Tụ, huyện Kỳ Sơn	1.400	1.000	
28	Mở rộng, nâng cấp khu thể thao bản Huồi Đun, xã Huồi Tụ, huyện Kỳ Sơn	500	424	
29	Cải tạo, nâng cấp công trình nước sinh hoạt bản Phà Bún, xã Huồi Tụ, huyện Kỳ Sơn	500		
30	Xây dựng đường giao thông nông thôn bản Huồi Úc 2-Huồi Úc 1, xã Huồi Tụ, huyện Kỳ Sơn	900		
31	Cải tạo, nâng cấp công trình nước sinh hoạt bản Huồi Thăng, xã Huồi Tụ, huyện Kỳ Sơn	600		
32	Xây dựng nhà văn hóa bản Phà Xắc, xã Huồi Tụ, huyện Kỳ Sơn	1.100		
33	Cải tạo, nâng cấp công trình nước sinh hoạt bản Na Ni, xã Huồi Tụ, huyện Kỳ Sơn	800		
34	Cải tạo, nâng cấp công trình nước sinh hoạt bản Huồi Úc 1, xã Huồi Tụ, huyện Kỳ Sơn	800		
35	Cải tạo, nâng cấp công trình nước sinh hoạt bản Huồi Khe, xã Huồi Tụ, huyện Kỳ Sơn	872		
36	Cải tạo, nâng cấp chợ Huồi Tụ, xã Huồi Tụ, huyện Kỳ Sơn	2.000		
37	Cải tạo, nâng cấp công trình nước sinh hoạt bản Huồi Mũ, xã Huồi Tụ, huyện Kỳ Sơn	500		
	Xã Hữu Lập	10.403	2.081	
38	Xây dựng nhà bán trú Trường tiểu học Hữu Lập, xã Hữu Lập, huyện Kỳ Sơn	1.100	1.100	
39	Xây dựng đường giao thông nông thôn vào cụm 2 bản Chà Lán, xã Hữu Lập, huyện Kỳ Sơn	1.050	981	
40	Xây dựng đường giao thông nông thôn bản Chà Lán - Nọng Ó, xã Hữu Lập, huyện Kỳ Sơn	1.100		

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022	Ghi chú
1	2	3	4	5
41	Cải tạo, nâng cấp công trình nước sinh hoạt bản Na, xã Hữu Lập, huyện Kỳ Sơn	1.000		
42	Xây dựng đường giao thông vào khu sản xuất bản Chà Lẩn, xã Hữu Lập	1.000		
43	Xây dựng các hạng mục phụ trợ khu thể thao xã Hữu Lập, huyện Kỳ Sơn	1.050		
44	Xây dựng đường giao thông vào khu sản xuất bản Nọng Ó, xã Hữu Lập, huyện Kỳ Sơn	1.000		
45	Cải tạo, nâng cấp công trình nước sinh hoạt bản Xốp Nhị, xã Hữu Lập, huyện Kỳ Sơn	1.000		
46	Xây dựng đường giao thông nông thôn bản Na - Chà Lẩn, xã Hữu Lập, huyện Kỳ Sơn	1.053		
47	Xây dựng đường giao thông nông thôn nội bản Nọng Ó, xã Hữu Lập, huyện Kỳ Sơn	1.050		
	Xã Mỹ Lý	11.664	3.712	
48	Xây dựng đường giao thông nông thôn từ bản Hòa Lý - bản Piêng Vai, xã Mỹ Lý, huyện Kỳ Sơn	2.114	1.000	
49	Xây dựng nhà văn hóa bản Piêng Vai, xã Mỹ Lý, huyện Kỳ Sơn	1.500	1.333	
50	Xây dựng nhà văn hóa bản Xăng Trên, xã Mỹ Lý, huyện Kỳ Sơn	1.500	1.379	
51	Xây dựng đường vào khu sản xuất vùng khe Thà Lạng bản Hòa Lý, xã Mỹ Lý, huyện Kỳ Sơn	1.500		
52	Xây dựng nhà văn hóa bản Nhọt Lọt, xã Mỹ Lý, huyện Kỳ Sơn	1.500		
53	Xây dựng đường giao thông nông thôn từ bản Hòa Lý - bản Phà Chiềng, xã Mỹ Lý, huyện Kỳ Sơn	2.050		
54	Xây dựng đường vào khu sản xuất Khe Xiễn, bản Xiềng Tầm, xã Mỹ Lý, huyện Kỳ Sơn	1.500		
	Xã Phà Đánh	10.971	2.194	
55	Xây dựng đường giao thông nông thôn từ bản Kim Đa - bản Piêng Hòm, xã Phà Đánh, huyện Kỳ Sơn	2.000	1.100	
56	Xây dựng đường giao thông nông thôn từ bản Kẹo Lực 1 - bản Xắn, xã Phà Đánh, huyện Kỳ Sơn	8.000	1.094	
57	Cải tạo, nâng cấp công trình nước sinh hoạt bản Piêng Hòm, xã Phà Đánh, huyện Kỳ Sơn	971		
	Xã Tà Cạ	11.167	2.233	
58	Xây dựng đường giao thông nông thôn từ bản Cánh - bản Bình Sơn 2, xã Tà Cạ, huyện Kỳ Sơn	2.237	2.233	
59	Xây dựng công trình nước sinh hoạt bản Hòa Sơn (khu tái định cư mới) xã Tà Cạ, huyện Kỳ Sơn	2.300		
60	Xây dựng công trình nước sinh hoạt bản Cánh, xã Tà Cạ, huyện Kỳ Sơn	1.100		
61	Xây dựng đường giao thông vào khu sản xuất bản Hòa Sơn, bản Bình Sơn 1, xã Tà Cạ, huyện Kỳ Sơn	1.280		
62	Xây dựng đường giao thông nông thôn nội bản Sơn Hà, xã Tà Cạ, huyện Kỳ Sơn	500		
63	Xây dựng nhà văn hóa bản Bình Sơn 2, xã Tà Cạ, huyện Kỳ Sơn	1.100		

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022	Ghi chú
1	2	3	4	5
64	Xây dựng nhà văn hóa bản Bình Sơn 1, xã Tà Cạ, huyện Kỳ Sơn	1.100		
65	Xây dựng công trình nước sinh hoạt bản Bình Sơn 2 (nhánh 2), xã Tà Cạ, huyện Kỳ Sơn	900		
66	Xây dựng đường giao thông nông thôn nội bản Sơn Thành, xã Tà Cạ, huyện Kỳ Sơn	650		
	Xã Nậm Cắn	11.234	2.247	
67	Xây dựng đường giao thông nông thôn vào bản Pa Ca, xã Nậm Cắn, huyện Kỳ Sơn	2.100	1.400	
68	Xây dựng đường giao thông vào khu sản xuất bản Huồi Pốc, xã Nậm Cắn, huyện Kỳ Sơn	1.000	847	
69	Xây dựng đường bê tông lõi xóm bản Tiền Tiêu, xã Nậm Cắn, huyện Kỳ Sơn	500		
70	Xây dựng nhà văn hóa bản Trường Sơn, xã Nậm Cắn, huyện Kỳ Sơn	1.500		
71	Xây dựng đường giao thông vào khu sản xuất bản Trường Sơn, xã Nậm Cắn, huyện Kỳ Sơn	1.100		
72	Xây dựng đường giao thông vào khu sản xuất bản Khánh Thành, xã Nậm Cắn, huyện Kỳ Sơn	800		
73	Xây dựng công trình nước sinh hoạt bản Huồi Pốc, xã Nậm Cắn, huyện Kỳ Sơn	1.100		
74	Xây dựng đường giao thông vào khu sản xuất bản Tiền Tiêu, xã Nậm Cắn, huyện Kỳ Sơn	1.100		
75	Xây dựng đường giao thông nông thôn nội bản Tiền Tiêu, xã Nậm Cắn, huyện Kỳ Sơn	1.034		
76	Xây dựng đường giao thông vào khu sản xuất bản Pa Ca - xã Nậm Cắn - huyện Kỳ Sơn	1.000		
	Xã Mường Típ	12.412	2.483	
77	Xây dựng nhà văn hóa bản Ta Đo, xã Mường Típ, huyện Kỳ Sơn	1.488	1.488	
78	Xây dựng đường giao thông vào khu sản xuất bản Huồi Khỏi, xã Mường Típ, huyện Kỳ Sơn	1.500	995	
79	Xây dựng đường giao thông nông thôn vào bản Huồi Phe cùm 2, xã Mường Típ, huyện Kỳ Sơn	2.012		
80	Xây dựng khu thể thao bản Huồi Khí, xã Mường Típ, huyện Kỳ Sơn	1.000		
81	Xây dựng nhà văn hóa bản Chà Lạt, xã Mường Típ, huyện Kỳ Sơn	1.406		
82	Xây dựng nhà văn hóa bản Na Mỹ, xã Mường Típ, huyện Kỳ Sơn	1.406		
83	Xây dựng đường giao thông vào khu sản xuất bản Xốp Típ, xã Mường Típ, huyện Kỳ Sơn	2.000		
84	Xây dựng công trình thủy lợi Na Bô, bản Na Mỹ, xã Mường Típ, huyện Kỳ Sơn	800		
85	Xây dựng công trình nước sinh hoạt bản Chà Lạt cũ, xã Mường Típ, huyện Kỳ Sơn	800		
	Xã Mường Ải	11.907	2.382	
86	Xây dựng công trình thủy lợi Na Khám, bản Pụng, xã Mường Ải, huyện Kỳ Sơn	2.500	2.382	

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022	Ghi chú
1	2	3	4	5
87	Xây dựng nhà văn hóa bản Xốp Lau, xã Mường Ải, huyện Kỳ Sơn	1.700		
88	Xây dựng kè chống sạt lở bản Nha Nang (dọc khe Nậm Típ), xã Mường Ải, huyện Kỳ Sơn	1.500		
89	Xây dựng kè chống sạt lở bản Xốp Xăng (dọc khe Nậm Típ), xã Mường Ải, huyện Kỳ Sơn	1.500		
90	Xây dựng đường giao thông vào khu sản xuất bản Huổi khe, xã Mường Ải, huyện Kỳ Sơn	1.600		
91	Cải tạo, nâng cấp đường vào khu sản xuất bản Nha Nang, xã Mường Ải, huyện Kỳ Sơn	1.500		
92	Cải tạo, nâng cấp đường vào khu sản xuất của bản Xốp Lau, xã Mường Ải, huyện Kỳ Sơn	1.607		
	Xã Bảo Nam	11.035	2.207	
93	Xây dựng nhà văn hóa bản Thảo Di, xã Bảo Nam, huyện Kỳ Sơn	1.500	1.350	
94	Xây dựng khu thể thao và các công trình phụ trợ nhà văn hóa bản Nam Tiến 1, xã Bảo Nam, huyện Kỳ Sơn	1.100	857	
95	Xây dựng đường giao thông nông thôn bản Huổi Hốc, xã Bảo Nam, huyện Kỳ Sơn	2.214		
96	Xây dựng đường giao thông nông thôn bản Huổi Lau, xã Bảo Nam, huyện Kỳ Sơn	6.221		
	Xã Keng Đu	12.300	2.460	
97	Xây dựng nhà học Trường mầm non Keng Đu, xã Keng Đu, huyện Kỳ Sơn	900	800	
98	Xây dựng nhà ăn bán trú Trường tiểu học Keng Đu 1, xã Keng Đu, huyện Kỳ Sơn	1.100	950	
99	Xây dựng công trình nước sinh hoạt cụm Huổi Phó bản Huổi Xui, xã Keng Đu, huyện Kỳ Sơn	800	710	
100	Xây dựng đường giao thông nông thôn từ bản Khe Linh - bản Huổi Phuôn 2, xã Keng Đu, huyện Kỳ Sơn	4.110		
101	Xây dựng nhà làm việc Trạm y tế xã Keng Đu, huyện Kỳ Sơn	650		
102	Xây dựng đường giao thông nông thôn từ bản Hạt Tà Vén - bản Huổi Cáng, xã Keng Đu, huyện Kỳ Sơn	2.040		
103	Xây dựng đường giao thông nông thôn từ bản Huổi Phuôn 2 - bản Hạt Tà Vén, xã Keng Đu, huyện Kỳ Sơn	2.200		
104	Cải tạo, nâng cấp công trình nước sinh hoạt bản Huổi Phuôn 1, xã Keng Đu, huyện Kỳ Sơn	500		
	Xã Na Loi	11.755	2.351	
105	Nâng cấp công trình thủy lợi Na Mương - bản Na Loi, xã Na Loi, huyện Kỳ Sơn	1.350	1.108	
106	Xây dựng công trình thủy lợi khe Huổi Hang - bản Na Loi, xã Na Loi, huyện Kỳ Sơn	1.000	850	
107	Xây dựng công trình phụ trợ nhà văn hoá bản Đôn Boọng, xã Na Loi, huyện Kỳ Sơn	893	393	
108	Cải tạo, nâng cấp công trình thủy lợi Huổi Hèo bản Na Khướng, xã Na Loi, huyện Kỳ Sơn	600		
109	Xây dựng đường giao thông nông thôn từ bản Na Loi - bản Huổi Xàn, xã Na Loi, huyện Kỳ Sơn	1.000		

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022	Ghi chú
1	2	3	4	5
110	Xây dựng công trình nước sinh hoạt bản Huổi Xàn, xã Na Loi, huyện Kỳ Sơn	512		
111	Xây dựng nhà văn hóa bản Na Khướng, xã Na Loi, huyện Kỳ Sơn	1.000		
112	Xây dựng công trình phụ trợ khu thể thao bản Na Loi, xã Na Loi, huyện Kỳ Sơn	700		
113	Xây dựng đường giao thông vào khu sản xuất Huổi Tò, Huổi Xong, bản Huổi Xàn, xã Na Loi, huyện Kỳ Sơn	800		
114	Xây dựng công trình thủy lợi khe Huổi Phan - bản Piêng Lau, xã Na Loi, huyện Kỳ Sơn	1.700		
115	Xây dựng đường giao thông vào khu sản xuất Pu Sàng Kìng, bản Đồn Boọng, xã Na Loi, huyện Kỳ Sơn	2.200		
	Xã Bắc Lý	11.845	2.369	
116	Xây dựng nhà văn hóa bản Buộc xã Bắc Lý, huyện Kỳ Sơn	1.500	1.100	
117	Xây dựng công trình nước sinh hoạt bản Kéo Nam, xã Bắc Lý, huyện Kỳ Sơn	800	600	
118	Xây dựng công trình nước sinh hoạt bản Phia Khăm 1, xã Bắc Lý, huyện Kỳ Sơn	845	669	
119	Xây dựng đường giao thông nông thôn từ bản Xám Thang - bản Cha Nga, xã Bắc Lý, huyện Kỳ Sơn	2.000		
120	Xây dựng trường giao thông nông thôn bản Nhọt Kho, xã Bắc Lý, Kỳ Sơn	1.700		
121	Xây dựng đường giao thông nông thôn từ bản bản Buộc - bản Na Kho, xã Bắc Lý, huyện Kỳ Sơn	2.000		
122	Xây dựng nhà văn hóa bản Xám Thang xã Bắc Lý, huyện Kỳ Sơn	1.500		
123	Xây dựng nhà văn hóa bản Cha Nga, xã Bắc Lý, huyện Kỳ Sơn	1.500		
	Xã Nậm Càn	11.745	2.349	
124	Xây dựng nhà văn hóa và các hạng mục phụ trợ bản Huổi Nhao, xã Nậm Càn, huyện Kỳ Sơn	1.800	1.500	
125	Xây dựng công trình phụ trợ khu thể thao bản Nậm Càn, xã Nậm Càn, huyện Kỳ Sơn	1.100	849	
126	Xây dựng cầu bê tông qua khe Nậm Khiên, bản Nậm Khiên 1, xã Nậm Càn, huyện Kỳ Sơn	4.145		
127	Xây dựng nhà văn hóa bản Nậm Càn, xã Nậm Càn, huyện Kỳ Sơn	1.800		
128	Xây dựng đường giao thông vào khu nghĩa trang bản Nậm Càn, xã Nậm Càn, huyện Kỳ Sơn	1.100		
129	Xây dựng nhà văn hóa bản Thăm Hín, xã Nậm Càn, huyện Kỳ Sơn	1.800		
	Xã Mường Lống	10.366	2.073	
130	Xây dựng đường giao thông vào khu sản xuất Nhật Pá bản Trung Tâm, xã Mường Lống, huyện Kỳ Sơn	2.000	1.000	
131	Xây dựng đường giao thông nông thôn từ Ngã ba Tham Hóc đi bản Xám Xúm, xã Mường Lống, huyện Kỳ Sơn	2.000	1.073	
132	Xây dựng đường giao thông nông thôn từ ngã ba Sà Lầy đi bản Tham Lực, xã Mường Lống, huyện Kỳ Sơn	2.000		

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022	Ghi chú
1	2	3	4	5
133	Xây dựng đường giao thông nông thôn vào bản Thà Lạng, xã Mường Lống, huyện Kỳ Sơn	1.666		
134	Xây dựng công trình nước sinh hoạt bản Thà Lạng, xã Mường Lống, huyện Kỳ Sơn	500		
135	Xây dựng nhà văn hoá bản Tham Pạng, xã Mường Lống, huyện Kỳ Sơn	1.100		
136	Xây dựng nhà văn hóa bản Thà Lạng xã Mường Lống, huyện Kỳ Sơn	1.100		
I.2	Thôn ĐBK	2.783	557	
	Xã Hữu Kiệm	2.783	557	
	Bản Huồi Thợ	1.392	557	
1	Xây dựng công trình nước sinh hoạt cụm dân cư mới bản Huồi Thợ, xã Hữu Kiệm, huyện Kỳ Sơn	500		
2	Xây dựng công trình phụ trợ nhà văn hóa bản Huồi Thợ, xã Hữu Kiệm, huyện Kỳ Sơn	892	557	
	Bản Đình Sơn 1	1.391		
3	Xây dựng đường giao thông vào khu sản xuất Hín Pèn bản Đình Sơn 1, xã Hữu Kiệm, huyện Kỳ Sơn	1.391		
I.3	Cứng hoá đường đến trung tâm xã, đường liên xã chưa được cứng hóa	65.310	10.500	
1	Xây dựng đường giao thông từ ngã ba đường Huồi Tụ - Keng Đu đến UBND xã Đoọc Mạy, huyện Kỳ Sơn	5.500	2.000	
2	Xây dựng công trình đường giao thông từ ngã ba đường Huồi Tụ - Keng Đu đến UBND xã Na Loi, huyện Kỳ Sơn	3.000	1.000	
3	Xây dựng công trình đường giao thông từ ngã 3 bản Huồi Khe Huồi tụ đến xã Mường Lống, huyện Kỳ Sơn	22.010		
4	Xây dựng công trình đường giao thông từ bản Huồi Phong, xã Mường Ải đến khu tái định cư bản Vàng Phao, xã Mường Típ, huyện Kỳ Sơn	12.000	2.500	
5	Xây dựng đường giao thông nông thôn từ bản Kẹo Lực 1, xã Phà Đánh - bản Xốp Thạng, xã Hữu Lập, huyện Kỳ Sơn	9.600	2.500	
6	Xây dựng đường giao thông từ bản La Ngan, xã Chiêu Lưu đến bản Hín Pèn, xã Bảo Nam, huyện Kỳ Sơn	13.200	2.500	
I.4	Cải tạo, nâng cấp trạm y tế xã	1.484	800	
1	Cải tạo, nâng cấp trạm y tế xã Mường Típ, huyện Kỳ Sơn	742	400	
2	Cải tạo, nâng cấp trạm y tế xã Mường Ải, huyện Kỳ Sơn	742	400	
I.5	Cải tạo, nâng cấp chợ vùng đồng bào DTTS&MN	743	400	
1	Cải tạo, nâng cấp chợ Mường Lống, xã Mường Lống, huyện Kỳ Sơn	743	400	
I.6	Công trình cầu giao thông kết nối các xã biên giới, xã khu vực III, thôn ĐBK	92.770	5.775	
1	Xây dựng cầu cứng qua sông Nậm Mộ nối từ thị trấn Mường Xén đến xã Tà Cạ, huyện Kỳ Sơn	48.770	2.888	
2	Xây dựng cầu cứng qua sông Nậm Mộ nối từ xã Hữu Kiệm đến xã Hữu Lập, huyện Kỳ Sơn	44.000	2.888	
I.7	Công trình hạ tầng lưới điện cho các xã biên giới, xã khu vực III, thôn ĐBK	92.770		
1	Công trình điện cho các bản, khu dân cư chưa có điện lưới Quốc gia trên địa bàn huyện Kỳ Sơn	92.770		
II	Huyện Tương Dương	478.217	75.488	

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022	Ghi chú
1	2	3	4	5
II.1	Xã ĐBK (khu vực III)	127.266	31.453	
	Xã Tam Hợp	11.224	2.774	
1	Xây dựng nhà học Trường mầm non Tam Hợp, huyện Tương Dương	1.900	1.774	
2	Xây dựng nhà ký túc xá giáo viên Trường tiểu học Tam Hợp điểm trường bản Phồng	1.000	1.000	
3	Xây dựng cầu dân sinh ra Khe Càng bản Xốp Nặm	2.600		
4	Xây dựng cầu dân sinh đi Na Muộng, Bản Phồng	2.800		
5	Xây dựng công trình thủy lợi khe La Ván bản Xốp Nặm	1.600		
6	Cải tạo, nâng cấp công trình thủy lợi khe Chà Lạp bản Huồi Sơn-Văng Môn	900		
7	Xây dựng mái che nhà hiệu bộ trường PTDTBT THCS Tam Hợp	424		
	Xã Lưu Kiền	10.010	2.474	
8	Xây dựng nhà văn hóa cộng đồng bản Lưu Thông, xã Lưu Kiền	1.450		
9	Cải tạo, nâng cấp Nhà văn hóa cộng đồng bản Khe Kiền, xã Lưu Kiền	300		
10	Xây dựng nhà văn hóa cộng đồng bản Púng, xã Lưu Kiền	1.450	1.000	
11	Xây dựng đường giao thông vào Sân vận động và khu sản xuất bản Khe Kiền, xã Lưu Kiền, huyện Tương Dương	2.000	1.474	
12	Xây dựng công trình thủy lợi Na Đôn bản Lưu Phong, xã Lưu Kiền	1.800		
13	Xây dựng công trình điện chiếu sáng công cộng trung tâm xã Lưu Kiền, huyện Tương Dương	2.200		
14	Nâng cấp, cải tạo đầu tư mới một số trang thiết bị trạm y tế xã Lưu Kiền	810		
	Xã Lượng Minh	10.693	2.643	
15	Xây dựng đường vào khu sản xuất vào khe Lạ, bản Lạ, xã Lượng Minh, huyện Tương Dương	3.800	1.343	
16	Xây dựng đường vào khu sản xuất vào khe Cụp, bản Đứa, xã Lượng Minh, huyện Tương Dương	2.600	1.300	
17	Xây dựng các cầu qua khe tại bản Minh Tiến, xã Lượng Minh, huyện Tương Dương	2.000		
18	Xây dựng các cầu qua khe tại bản Chấm Puông, xã Lượng Minh, huyện Tương Dương	1.400		
19	Cải tạo, nâng cấp trạm y tế xã Lượng Minh, huyện Tương Dương	893		
	Xã Yên Na	10.239	2.531	
20	Xây dựng kè bảo vệ khu sản xuất bản Na Bón, xã Yên Na	2.500		
21	Cải tạo, nâng cấp nhà học chức năng và xây dựng các công trình phụ trợ trường PTDTBT THCS Yên Na, huyện Tương Dương	2.939		
22	Xây dựng công trình phụ trợ Trường PTDTBT tiểu học Yên Na	2.500	1.531	
23	Cải tạo, nâng cấp nước sinh hoạt bản Vẽ, xã Yên Na	1.500	1.000	
24	Cải tạo, nâng cấp nước sinh hoạt bản Có Pháo, xã Yên Na	800		

Chữ

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022	Ghi chú
1	2	3	4	5
	Xã Yên Hòa	9.937	2.455	
25	Cải tạo, nâng cấp Trường mầm non các điểm lẻ	1.800		
26	Xây dựng nhà học, nhà nội trú học sinh, nhà bếp ăn và các hạng mục phụ trợ Trường tiểu học Yên Hòa	6.537	2.000	
27	Xây dựng công trình phụ trợ Trường mầm non cho các điểm lẻ	800	455	
28	Cải tạo, nâng cấp trạm Y tế xã Yên Hòa	800		
	Xã Yên Tĩnh	10.319	2.551	
29	Xây dựng nhà nội trú học sinh, nhà bếp ăn, nhà vệ sinh và các hạng mục phụ trợ Trường PTDTBT Tiểu học Yên Tĩnh, huyện Tương Dương	10.319	2.551	
	Xã Yên Thắng	10.412	2.573	
30	Xây dựng nhà văn hóa cộng đồng bản Văng Lin, xã Yên Thắng	1.400	573	
31	Xây dựng nhà văn hóa cộng đồng bản Tạt, xã Yên Thắng	1.400		
32	Xây dựng nhà học chức năng, nhà ở nội trú, nhà bếp ăn, nhà vệ sinh và các hạng mục phụ trợ Trường PTDTBT THCS Yên Thắng, huyện Tương Dương	7.612	2.000	
	Xã Hữu Khuông	11.043	2.730	
33	Xây dựng nhà văn hóa cộng đồng bản Púng Bón, huyện Tương Dương	1.600		
34	Nâng cấp điểm Trường mầm non bản Con Phen, xã Hữu Khuông, huyện Tương Dương	700	700	
35	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông nội bản, xã Hữu Khuông, huyện Tương Dương	4.243		
36	Xây dựng nhà văn hóa cộng đồng bản Con Phen, xã Hữu Khuông, huyện Tương Dương	1.500	1.015	
37	Xây dựng nhà văn hóa cộng đồng bản Chà Lâng, xã Hữu Khuông, huyện Tương Dương	1.500	1.015	
38	Xây dựng nhà văn hóa cộng đồng bản Xán, xã Hữu Khuông, huyện Tương Dương	1.500		
	Xã Nhôn Mai	11.502	2.842	
39	Xây dựng cầu dân sinh bản Phá Mọt, xã Nhôn Mai	2.500		
40	Xây dựng nhà ăn và 2 phòng học và các hạng mục phụ trợ Trường tiểu học Nhôn Mai, huyện Tương Dương	2.000	1.400	
41	Xây dựng nhà ăn, nhà ở nội trú giáo viên trường THCS Nhôn Mai	4.902		
42	Xây dựng công trình thủy lợi bản Nhôn Mai	2.100	1.442	
	Xã Mai Sơn	11.336	2.801	
43	Xây dựng hạng mục phụ trợ nhà văn hóa, điểm Trường mầm non và tiểu học bản Phà Kháo, xã Mai Sơn, huyện Tương Dương	1.100	801	
44	Xây dựng tường chắn gia cố mái taluy, mương thoát nước tại khu tái định cư Phà Kháo, xã Mai Sơn, huyện Tương Dương	1.150	1.000	
45	Xây dựng nhà văn hoá xã Mai Sơn, huyện Tương Dương	3.486		
46	Cải tạo, nâng cấp Trường mầm non các bản Piêng Coọc, Chà Lò, Huồi Tổ II.	800		
47	Xây dựng nhà văn hóa bản Chà Lò, xã Mai Sơn	1.300		
48	Xây dựng nhà văn hóa bản Na Kha, xã Mai Sơn	1.200	1.000	

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022	Ghi chú
1	2	3	4	5
49	Xây dựng nhà văn hóa bán cầu dân sinh Chà Lò, xã Mai Sơn	2.300		
	Xã Nga My	10.354	2.559	
50	Xây dựng cầu khe Xốp Hưng, bản Na Ngân, xã Nga My	4.500	2.559	
51	Xây dựng tuyến đường Xốp Kho- Na Kho, xã Nga My, huyện Tương Dương	5.854		
	Xã Xiêng My	10.197	2.520	
52	Cải tạo, nâng cấp đường từ ngã ba bản Chon vào bản Chà Hia, xã Xiêng My, huyện Tương Dương	1.900	1.800	
53	Cải tạo nâng cấp nhà bếp ăn và các hạng mục phụ trợ điểm trường bản Khe Quỳnh, Trường mầm non Xiêng My, huyện Tương Dương	1.197	720	
54	Xây dựng công trình thủy lợi bản Chà Hia, xã Xiêng My, huyện Tương Dương	1.600		
55	Xây dựng nhà học và các hạng mục phụ trợ Trường tiểu học Xiêng My, huyện Tương Dương	5.500		
II.2	Thôn ĐBK	4.175	835	
	Xã Tam Quang	2.783	557	
	Bản Tân Hương	1.391	278	
1	Cải tạo, nâng cấp điểm Trường tiểu học bản Tân Hương thành nhà văn hóa bản Tân Hương	600	278	
2	Cải tạo, nâng cấp công trình nước sinh hoạt bản Tân Hương, xã Tam Quang, huyện Tương Dương	791		
	Bản Tùng Hương	1.392	279	
3	Xây dựng nhà văn hóa cộng đồng bản Tùng Hương, xã Tam Quang, huyện Tương Dương	1.392	279	
	Xã Xá Lượng	1.392	278	
	Bản Na Bè	1.392	278	
4	Xây dựng nhà học điểm Trường tiểu học bản Na Bè, xã Xá Lượng, huyện Tương Dương	1.392	278	
II.3	Cứng hoá đường đến trung tâm xã, đường liên xã chưa được cứng hóa	22.265	2.000	
1	Xây dựng công trình tuyến đường ĐH11 Xiêng My - Yên Thắng, huyện Tương Dương	22.265	2.000	
II.4	Cải tạo nâng cấp trạm y tế xã	1.484	800	
1	Cải tạo, nâng cấp Trạm y tế xã Yên Tĩnh, huyện Tương Dương	742	400	
2	Cải tạo, nâng cấp Trạm y tế xã Xiêng My, huyện Tương Dương	742	400	
II.5	Xây mới chợ vùng đồng bào DTTS&MN	4.082	2.000	
1	Xây dựng chợ vùng biên xã Nhôn Mai, huyện Tương Dương	4.082	2.000	
II.6	Cải tạo, nâng cấp chợ vùng đồng bào DTTS&MN	742	400	
1	Cải tạo, nâng cấp chợ trung tâm Khe Bó, xã Tam Quang, huyện Tương Dương	742	400	
II.7	Công trình giao thông mở mới đường giao thông đến trung tâm xã (xã chưa có đường từ trung tâm huyện tới trung tâm xã)	318.203	38.000	
1	Xây dựng đường giao thông vào trung tâm xã Nhôn Mai và Mai Sơn, huyện Tương Dương	318.203	38.000	

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022	Ghi chú
1	2	3	4	5
III	Huyện Con Cuông	139.886	30.326	
III.1	Xã ĐBK (Khu vực III)	91.738	18.348	
	Xã Môn Sơn	10.872	2.174	
1	Xây dựng đường giao thông bản Cửa Rào - bản Bắc Sơn, xã Môn Sơn	10.872	2.174	
	Xã Lục Dạ	9.789	1.958	
2	Xây dựng đường giao thông bản Liên Sơn - bản Hua Nà, xã Lục Dạ	9.789	1.958	
	Xã Châu Khê	10.983	2.197	
3	Xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng xã Châu Khê, đường vào và các công trình phụ trợ khác	6.000		
4	Xây dựng đường giao thông nội bản Khe Nà, xã Châu Khê	1.100	1.097	
5	Xây dựng đường giao thông nội bản Khe Bu, xã Châu Khê	1.186	1.100	
6	Xây dựng đường giao thông từ Khe Choảng vào Bãi Gạo, xã Châu Khê	2.697		
	Xã Lạng Khê	10.149	2.030	
7	Xây dựng đường giao thông bản Chôm Lôm - bản Đồng Tiến, xã Lạng Khê	10.149	2.030	
	Xã Cam Lâm	10.146	2.029	
8	Xây dựng đường giao thông bản Liên Hồng - bản Cống, xã Cam Lâm	10.146	2.029	
	Xã Bình Chuẩn	9.969	1.994	
9	Xây dựng một số hạng mục Trường mầm non xã Bình Chuẩn	7.000	994	
10	Xây dựng cầu Khe Chon vào khu tái định cư bản Quăn, xã Bình Chuẩn	2.969	1.000	
	Xã Đôn Phục	10.011	2.002	
11	Xây dựng đường giao thông bản Tổng Tiến, xã Đôn Phục	10.011	2.002	
	Xã Mậu Đức	9.834	1.967	
12	Xây dựng, nâng cấp tuyến đường Thống Nhất đi bản Bôi, bản Muộng, xã Mậu Đức	4.500		
13	Xây dựng bể chứa nước, ống dẫn nước tại giếng khoan thôn Thống Nhất, xã Mậu Đức về phục vụ nước sinh hoạt tại 3 trường học cụm Trung tâm	1.000	500	
14	Cải tạo, nâng cấp nhà văn phòng Trường mầm non xã Mậu Đức	152	152	
15	Cải tạo nâng cấp, đập Phai Sen và hệ thống kênh mương bản Kê Trắng	4.182	1.315	
	Xã Thạch Ngàn	9.985	1.997	
16	Xây dựng một số hạng mục Trường mầm non Thạch Ngàn	2.500		
17	Xây dựng cầu Khe Mui bản Đồng Thắng, xã Thạch Ngàn	3.800	1.997	
18	Xây dựng cầu Khe Xan bản Thanh Bình, xã Thạch Ngàn	3.685		
III.2	Thôn bản đặc biệt khó khăn	1.391	278	
	Xã Yên Khê	1.391	278	
1	Xây dựng kè chống sạt lở đất ruộng bản Trung Chính	291		
2	Xây dựng kênh mương cấp I cánh đồng Trung Chính	500	278	
3	Mở rộng nhà văn hóa cộng đồng thôn Trung Chính	600		

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022	Ghi chú
1	2	3	4	5
III.3	Đường liên xã chưa được cứng hóa	44.530	10.500	
1	Xây dựng đường liên xã Lục Dạ- Môn Sơn, huyện Con Cuông	10.000	5.500	
2	Xây dựng đường liên xã Cam Lâm- Lạng Khê, huyện Con Cuông	34.530	5.000	
III.4	Cải tạo nâng cấp Trạm y tế xã	1.485	800	
1	Cải tạo, nâng cấp Trạm y tế xã Lục Dạ	1.485	800	
III.5	Cải tạo nâng cấp chợ vùng đồng bào DTTS&MN	742	400	
1	Cải tạo, nâng cấp chợ Môn Sơn	742	400	
IV	Huyện Anh Sơn	22.450	10.077	
IV.1	Thôn ĐBK	8.349	1.677	
	Xã Thọ Sơn	2.783	557	
	Bản Đông Thọ	1.392	279	
1	Xây dựng công trình đường giao thông nông thôn bản Đông Thọ, xã Thọ Sơn	1.392	279	
	Bản Tổ 4	1.391	278	
2	Xây dựng Công trình nhà văn hóa cộng đồng bản Tổ 4, xã Thọ Sơn	1.391	278	
	Xã Phúc Sơn	5.566	1.120	
	Bản Cao Vều 1	1.120	207	
3	Nâng cấp các đoạn đường giao thông nông thôn trên địa bàn bản Cao Vều 1, xã Phúc Sơn	680	207	
4	Nâng cấp công trình phụ Nhà văn hoá bản Cao Vều 1, xã Phúc Sơn	440		
	Bản Cao Vều 2	1.100	220	
5	Nâng cấp các đoạn đường giao thông nông thôn trên địa bàn bản Cao Vều 2, xã Phúc Sơn	990	220	
6	Nâng cấp công trình phụ bãi tắm du lịch sinh thái	110		
	Bản Cao Vều 3	1.100	220	
7	Nâng cấp các đoạn đường giao thông nông thôn trên địa bàn bản Cao Vều 3, xã Phúc Sơn	1.100	220	
	Bản Cao Vều 4	1.126	253	
8	Nâng cấp đường giao thông bản Cao Vều 4, xã Phúc Sơn, đoạn từ Trạm điện đến nhà ông Hà Văn Nghệ	660	253	
9	Xây dựng kè chống sạt lở khuôn viên nhà văn hoá bản Cao Vều 4, xã Phúc Sơn	466		
	Bản Kim Tiến	1.120	220	
10	Nâng cấp các đoạn đường giao thông nông thôn trên địa bàn bản Kim Tiến, xã Phúc Sơn	1.120	220	
IV.2	Cứng hoá đường đến trung tâm xã, đường liên xã chưa được cứng hóa	13.359	8.000	
1	Xây dựng đường giao thông liên xã từ ngã 3 Cây khế xã Thành Sơn vào xã Bình Sơn	13.359	8.000	
IV.3	Cải tạo, nâng cấp chợ vùng đồng bào DTTS&MN	742	400	
1	Cải tạo, nâng cấp chợ Khe Lòa xã Bình Sơn	742	400	
V	Huyện Thanh Chương	22.854	4.702	
V.1	Xã ĐBK (khu vực III)	22.854	4.702	
	Xã Ngọc Lâm	11.314	2.394	
1	Xây dựng nhà học Trường THCS Hương Tiến, xã Ngọc Lâm	6.172	2.394	

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022	Ghi chú
1	2	3	4	5
2	Xây dựng đường Giao thông bản Tân Sáng, xã Ngọc Lâm	1.250		
3	Xây dựng đường giao thông bản Tân Ngọc, xã Ngọc Lâm	900		
4	Xây dựng đường giao thông bản Tân Lâm, xã Ngọc Lâm	900		
5	Xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng bản Tân Ngọc, xã Ngọc Lâm	1.292		
6	Cải tạo nâng cấp nhà sinh hoạt cộng đồng bản Tân Lâm, xã Ngọc Lâm	800		
	Xã Thanh Sơn	11.540	2.308	
7	Xây dựng nhà văn hóa bản Thanh Yên, xã Thanh Sơn	1.158	1.158	
8	Xây dựng nhà văn hóa bản Chả Coong, xã Thanh Sơn	1.150	1.150	
9	Xây dựng Trường mầm non Kim Lâm, xã Thanh Sơn	9.232		
VI	HUYỆN TÂN KỲ	57.054	11.178	
VI.1	Thôn ĐBK	1.392	278	
	Xã Hương Sơn	1.392	278	
	Xóm Tân Sơn	1.392	278	
1	Xây dựng các cống hộp và đường 2 đầu cống trên địa bàn xóm Tân Sơn, xã Hương Sơn, huyện Tân Kỳ	1.392	278	
VI.2	Cứng hoá đường đến trung tâm xã, đường liên xã chưa được cứng hóa	54.920	10.500	
1	Xây dựng đường giao thông từ xã Hương Sơn nối Tỉnh lộ 534B đi xã Tiên Kỳ, huyện Tân Kỳ	4.304		
2	Xây dựng đường giao thông từ xã Hương Sơn đi Trường THPT Tân Kỳ 3, huyện Tân Kỳ	1.484	700	
3	Xây dựng đường giao thông từ xã Đồng Văn đi xã Tiên Kỳ, huyện Tân Kỳ	5.937	1.800	
4	Xây dựng đường giao thông từ xã Đồng Văn đi xã Tân An, huyện Tân Kỳ	5.937	1.800	
5	Xây dựng đường giao thông nối Tỉnh lộ 534D đến Tỉnh lộ 534B (xã Tiên Kỳ - Đồng Văn - Tân An), huyện Tân Kỳ	5.195	1.100	
6	Xây dựng đường giao thông từ xã Đồng Văn - Tiên Kỳ - Phú Sơn, huyện Tân Kỳ	4.453	1.800	
7	Xây dựng đường giao thông từ xã Đồng Văn đi xã Tân Hợp, huyện Tân Kỳ	6.234	1.600	
8	Xây dựng đường giao thông từ xã Đồng Văn nối tỉnh lộ 534B đi xã Phú Sơn, huyện Tân Kỳ	1.930		
9	Xây dựng đường giao thông liên xã từ xã Tiên Kỳ, huyện Tân Kỳ đi xã Bình Sơn, huyện Anh Sơn	3.265		
10	Xây dựng đường giao thông từ xã Tân Hợp, huyện Tân Kỳ đi xã Hạ Sơn - huyện Quỳnh Hợp	7.422		
11	Xây dựng đường giao thông từ xã Tân Hợp đến Tỉnh lộ 534D đi xã Đồng Văn, huyện Tân Kỳ	2.375	1.000	
12	Xây dựng đường giao thông từ xã Nghĩa Phúc đi xã Đồng Văn - xã Tân An, huyện Tân Kỳ	4.750		
13	Xây dựng đường giao thông từ xã Nghĩa Phúc đi xã Giai Xuân, huyện Tân Kỳ	1.634	700	
VI.3	Cải tạo, nâng cấp chợ vùng đồng bào DTTS&MN	742	400	
1	Cải tạo, nâng cấp Chợ Tiên Kỳ	742	400	
VII	Huyện Quế Phong	121.989	27.308	

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022	Ghi chú
1	2	3	4	5
VII.1	Xã ĐBK (khu vực III)	115.588	25.274	
	Xã Thông Thụ	10.872	2.174	
1	Xây dựng đường giao thông nông thôn Hủa Na 2 (Tuyến nhánh số 01), bản Mường Cật, xã Thông Thụ, huyện Quế Phong	1.550	1.174	
2	Xây dựng công trình thủy lợi Huôi Sai - Hủa Na 2, bản Mường Cật, xã Thông Thụ, huyện Quế Phong	1.350	1.000	
3	Xây dựng đường giao thông nông thôn bản Mường Piệt (Tuyến nhánh số 01), xã Thông Thụ, huyện Quế Phong	2.100		
4	Xây dựng cầu treo bản Mường Phú, xã Thông Thụ, huyện Quế Phong	2.822		
5	Xây dựng nhà học và công trình phụ trợ Trường tiểu học Thông Thụ 2, huyện Quế Phong	1.450		
6	Xây dựng nhà học và công trình phụ trợ Trường mầm non Thông Thụ, huyện Quế Phong	1.600		
	Xã Đồng Văn	9.850	1.970	
7	Xây dựng đường giao thông nông thôn xã Đồng Văn (Đoạn tuyến nối từ QL 48 đến cụm dân cư bản Đồng Mới), huyện Quế Phong	1.350	1.000	
8	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông nông thôn liên bản xã Đồng Văn (Tuyến đường nối Từ QL 16 đến điểm Trường tiểu học bản Khùn Na), xã Đồng Văn, huyện Quế Phong	1.100	970	
9	Xây dựng nhà công vụ giáo viên Trường trung học cơ sở Đồng Văn, xã Đồng Văn, huyện Quế Phong	3.000		
10	Xây dựng các phòng học bộ môn Trường tiểu học Đồng Văn 1, xã Đồng Văn, huyện Quế Phong	4.400		
	Xã Hạnh Dịch	11.086	3.017	
11	Xây dựng nhà học Trường TH&THCS Hạnh Dịch, huyện Quế Phong	4.386	3.017	
12	Xây dựng nhà bán trú, nhà ăn Trường TH&THCS Hạnh Dịch, huyện Quế Phong	700		
13	Xây dựng các hạng mục phụ trợ Trạm y tế xã Hạnh Dịch, huyện Quế Phong	1.200		
14	Xây dựng công trình thủy lợi Con Thăm, bản Chiềng, xã Hạnh Dịch, huyện Quế Phong	1.225		
15	Xây dựng các phòng học bộ môn Trường TH&THCS xã Hạnh Dịch (điểm trường bậc THCS), huyện Quế Phong	3.575		
	Xã Tiên Phong	9.988	1.998	
16	Xây dựng nhà bếp ăn tập thể cho học sinh Trường tiểu học Tiên Phong 1, huyện Quế Phong	950	700	
17	Xây dựng nhà bếp ăn tập thể cho học sinh Trường mầm non Tiên Phong, huyện Quế Phong	950	700	
18	Xây dựng nhà bếp ăn tập thể cho học sinh Trường tiểu học Tiên Phong 4, huyện Quế Phong	950	598	
19	Xây dựng nhà văn hóa cộng đồng bản Tạng, xã Tiên Phong, huyện Quế Phong	1.050		
20	Xây dựng đường giao thông nông thôn bản Tạng (Tuyến đường từ QL16 (Km250+900) vào cụm dân cư Na Càng), xã Tiên Phong, huyện Quế Phong	2.038		

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022	Ghi chú
1	2	3	4	5
21	Xây dựng nhà văn hóa cộng đồng bản Mường Hin (Điểm dân cư Na Dền), xã Tiên Phong, huyện Quế Phong	960		
22	Xây dựng đường giao thông nông thôn bản Phương Tiến 1 (Tuyến đường từ QL48(Km109+800) vào cụm dân cư phương tiến 1), xã Tiên Phong, huyện Quế Phong	3.090		
	Xã Châu Kim	9.703	1.941	
23	Xây dựng nhà văn hóa xã Châu Kim, huyện Quế Phong	1.500	600	
24	Xây dựng công trình bảo vệ kè chống sạt lở cụm dân cư bản Hữu Văn, xã Châu Kim, huyện Quế Phong	3.300	1.341	
25	Xây dựng công trình kênh mương thủy lợi bản Đồ, huyện Quế Phong	750		
26	Xây dựng phòng học bộ môn và công trình phụ trợ Trường THCS Châu Kim, huyện Quế Phong	2.500		
27	Xây dựng công trình kênh mương thủy lợi bản Cọ Muồng, xã Châu Kim huyện Quế Phong	1.203		
28	Xây dựng công trình kênh mương thủy lợi bản Kim Khê, xã Châu Kim huyện Quế Phong	450		
	Xã Nậm Giải	11.328	3.082	
29	Xây dựng đường giao thông nông thôn bản Pục - bản Piêng Lâng, xã Nậm Giải	4.600	2.266	
30	Xây dựng kè chống sạt lở Trường TH&THCS Nậm Giải, huyện Quế Phong	1.028	816	
31	Xây dựng nhà văn hóa cộng đồng bản Pục, xã Nậm Giải, huyện Quế Phong	1.200		
32	Xây dựng công trình thủy lợi Piêng Lâng, xã Nậm Giải, huyện Quế Phong	1.100		
33	Nâng cấp công trình thủy lợi Na Tàu, bản Pòng, xã Nậm Giải, huyện Quế Phong	1.100		
34	Cải tạo, nâng cấp nhà học và công trình phụ trợ Trường tiểu học Nậm Giải.	1.200		
35	Cải tạo nhà học 02 tầng trường TH&THCS Nậm Giải, huyện Quế Phong	1.100		
	Xã Châu Thôn	10.269	2.054	
36	Xây dựng Trường tiểu học xã Châu Thôn, huyện Quế Phong	3.250	1.454	
37	Xây dựng công trình kênh mương thủy lợi bản Quạnh, huyện Quế Phong	2.800	600	
38	Cải tạo nâng cấp đường giao thông liên xóm Hưng Tiến - bản Pôi, xã Châu Thôn, huyện Quế Phong	1.479		
39	Xây dựng công trình kênh mương thủy lợi Húa Guộc, bản Pôi, huyện Quế Phong	1.270		
40	Xây dựng công trình nước sinh hoạt bản Tam Tiến, xã Châu Thôn, huyện Quế Phong	1.470		
	Xã Cẩm Muộn	10.142	2.028	
41	Xây dựng kè Khe Cọc và khe Lạc bản Cẩm, xã Cẩm Muộn, Huyện Quế Phong	1.800	1.000	
42	Xây dựng nhà 02 tầng Trường tiểu học Cẩm Muộn 2, huyện Quế Phong	3.542	1.028	
43	Xây dựng công trình nước sinh hoạt bản Piêng Cẩm, xã Cẩm Muộn, huyện Quế Phong	1.200		

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022	Ghi chú
1	2	3	4	5
44	Xây dựng mương thoát nước tuyến đường giao thông bản Mòng xã Cẩm Muộn, huyện Quế Phong.	1.900		
45	Xây dựng công trình thủy lợi Mương Pải, bản Pún, xã Cẩm Muộn, huyện Quế Phong	1.300		
46	Xây dựng công trình phụ trợ Trường THCS Cẩm Muộn, huyện Quế Phong	400		
	Xã Quang Phong	10.197	2.039	
47	Xây dựng nhà văn hóa cộng đồng bản Cào, xã Quang Phong, huyện Quế Phong	1.271		
48	Xây dựng nhà học 02 tầng Trường tiểu học Quang Phong 1; cải tạo, nâng cấp các hạng mục phụ trợ	3.926	2.039	
49	Xây dựng đường giao thông nông thôn bản Quyn - bản Páo, xã Quang Phong, huyện Quế Phong	2.500		
50	Xây dựng đường giao thông nông thôn vào điểm Trường mầm non Hủa Khỏ, bản Tạ, xã Quang Phong	2.500		
	Xã Tri Lễ	11.559	2.852	
51	Xây dựng đường giao thông nông thôn bản Liên Hợp, xã Tri Lễ, huyện Quế Phong	1.200	800	
52	Xây dựng đường giao thông nông thôn bản Tam Hợp, xã Tri Lễ, huyện Quế Phong	1.500	1.100	
53	Xây dựng đường giao thông nông thôn bản Minh Châu, xã Tri Lễ, huyện Quế Phong	1.300	952	
54	Xây dựng đường giao thông nông thôn bản Pà Khỏm, xã Tri Lễ, huyện Quế Phong	1.200		
55	Xây dựng đường giao thông nội bản Na Niếng, Tân Thái, Nạ Lạnh, Kềm Đôn, Lam Hợp, xã Tri Lễ, huyện Quế Phong	2.859		
56	Cải tạo, nâng cấp đập thủy Lợi bản Tân Thái, xã Tri Lễ, huyện Quế Phong	2.000		
57	Xây dựng công trình nước Sinh hoạt bản Na Mai - Tam Hợp, xã Tri Lễ, huyện Quế Phong	1.500		
	Xã Nậm Nhoóng	10.594	2.119	
58	Xây dựng nhà 02 tầng và công trình phụ trợ Trường mầm non Nậm Nhoóng, huyện Quế Phong; xây dựng và nâng cấp hạng mục phụ trợ	5.100	2.119	
59	Xây dựng công trình nhà bếp cho học sinh và hệ thống vệ sinh Trường TH-THCS Nậm Nhoóng, huyện Quế Phong	1.244		
60	Xây dựng đường giao thông nông thôn bản Na Hỏc và Cầu tràn đi khu dân cư Huổi phăng xã Nậm Nhoóng, huyện Quế Phong	2.650		
61	Xây dựng công trình nước sinh hoạt bản Huổi cam, xã Nậm Nhoóng, huyện Quế Phong	1.600		
VII.2	Thôn ĐBK	4.175	835	
	Thị trấn Kim Sơn	1.392	278	
	Khởi Bản Bon	1.392	278	
1	Xây dựng đường giao thông khối bản Bon, thị trấn Kim Sơn, huyện Quế Phong	1.392	278	
	Xã Mường Nọc	2.783	557	

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022	Ghi chú
1	2	3	4	5
	Bản Hạ Sơn	1.283	278	
2	Cải tạo nâng cấp Trường tiểu học Mường Nọc (điểm trường Hạ Sơn), huyện Quế Phong	750	278	
3	Cải tạo nâng cấp nhà văn hóa cộng đồng - khu thể thao xóm Hạ Sơn, xã Mường Nọc, huyện Quế Phong	533		
	Bản Thanh Phong 2	1.500	279	
4	Xây dựng đường giao thông nông thôn bản Thanh Phong 2, xã Mường Nọc, huyện Quế Phong	1.100	279	
5	Xây dựng khu thể thao Thanh Phong 2 (điểm dân cư Luống), xã Mường Nọc, huyện Quế Phong	400		
VII.3	Cải tạo, nâng cấp trạm y tế xã	1.484	800	
1	Cải tạo, nâng cấp trạm y tế xã Tri Lễ, huyện Quế Phong	742	400	
2	Cải tạo, nâng cấp trạm y tế xã Đồng Văn, huyện Quế Phong	742	400	
VII.4	Cải tạo, nâng cấp chợ vùng đồng bào DTTS&MN	742	399	
1	Cải tạo, nâng cấp chợ Tiên Phong, huyện Quế Phong	742	399	
VIII	Huyện Quỳnh Châu	102.273	23.933	
VIII.1	Xã ĐBK (khu vực III)	94.573	20.455	
	Xã Châu Bình	9.773	1.955	
1	Xây dựng nhà văn hóa cộng đồng và các công trình phụ trợ bản Ké Can, xã Châu Bình, huyện Quỳnh Châu	3.000	1.290	
2	Xây dựng nhà văn hóa cộng đồng và các công trình phụ trợ bản Poom Lầu, xã Châu Bình, huyện Quỳnh Châu	1.500	665	
3	Xây dựng nhà văn hóa cộng đồng và các công trình phụ trợ bản Đồng Cộng, xã Châu Bình, huyện Quỳnh Châu	1.500		
4	Xây dựng đường giao thông bản Ké Tầm đi bản Độ 2, xã Châu Bình, huyện Quỳnh Châu	2.573		
5	Xây dựng nhà văn hóa cộng đồng và các công trình phụ trợ bản Độ 3, xã Châu Bình, huyện Quỳnh Châu	1.200		
	Xã Châu Thuận	10.735	2.647	
6	Xây dựng nhà 02 tầng điểm trường chính, Trường tiểu học Châu Thuận, huyện Quỳnh Châu	4.700	2.000	
7	Cải tạo, mở rộng nhà văn hóa cộng đồng bản Thẩm Men, xã Châu Thuận, huyện Quỳnh Châu	2.000		
8	Xây dựng đập thủy lợi Phai Khánh bản Bông, xã Châu Thuận, huyện Quỳnh Châu	1.535	647	
9	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội bản Chiềng Nong xã Châu thuận, huyện Quỳnh Châu	700		
10	Cải tạo, nâng cấp hệ thống giao thông bản Thẩm Men, huyện Quỳnh Châu	700		
11	Xây dựng đường ống dẫn nước từ Khe Ngụ về Khe Cua, xã Châu Thuận, huyện Quỳnh Châu	500		
12	Cải tạo, nâng cấp Trường mầm non xã Châu Thuận, huyện Quỳnh Châu	600		
	Xã Châu Hạnh	10.220	2.044	
13	Xây dựng nhà văn hóa cộng đồng bản Tà Sỏi, xã Châu Hạnh, huyện Quỳnh Châu	1.600	640	
14	Xây dựng nhà văn hóa cộng đồng bản Minh Tiến, xã Châu Hạnh, huyện Quỳnh Châu	1.500	550	

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022	Ghi chú
1	2	3	4	5
15	Mở rộng và xây dựng các công trình phụ trợ Xây dựng nhà văn hóa cộng đồng bản Định Tiến, xã Châu Hạnh, huyện Quỳnh Châu	900	325	
16	Xây dựng đường giao thông bản Đồng Minh đi bản Na Xén, xã Châu Hạnh, huyện Quỳnh Châu	1.400	529	
17	Xây dựng nhà văn hóa cộng đồng bản Hạnh Tiến, xã Châu Hạnh, huyện Quỳnh Châu	1.200		
18	Xây dựng nhà văn hóa cộng đồng bản Thuận Lập, xã Châu Hạnh, huyện Quỳnh Châu	1.300		
19	Xây dựng nhà văn hóa cộng đồng bản Tà Lạnh, xã Châu Hạnh, huyện Quỳnh Châu	1.520		
20	Xây dựng đường giao thông nông thôn bản Định Tiến, xã Châu Hạnh, huyện Quỳnh Châu	800		
	Xã Châu Hội	11.149	2.730	
21	Xây dựng nhà văn hóa cộng đồng bản Lâm Hội, xã Châu Hội, huyện Quỳnh Châu.	1.600	700	
22	Xây dựng nhà văn hóa cộng đồng bản Hội 2, xã Châu Hội, huyện Quỳnh Châu.	1.600	700	
23	Xây dựng nhà văn hóa cộng đồng bản Khứm, xã Châu Hội, huyện Quỳnh Châu.	1.600	700	
24	Xây dựng nhà văn hóa cộng đồng bản Lè, xã Châu Hội, huyện Quỳnh Châu.	3.149		
25	Xây dựng nhà văn hóa cộng đồng bản Khun, xã Châu Hội, huyện Quỳnh Châu.	1.600	630	
26	Xây dựng công trình Mương Cò, Tổng Lè, xã Châu Hội, huyện Quỳnh Châu.	1.600		
	Xã Châu Nga	11.307	2.802	
27	Xây dựng nhà học và các công trình phụ trợ, trường MN Châu Nga, huyện Quỳnh Châu	2.600	1.000	
28	Xây dựng nhà văn hóa cộng đồng bản Mưn, xã Châu Nga, huyện Quỳnh Châu	1.800	700	
29	Xây dựng đường giao thông nông thôn từ nhà văn hóa cộng đồng bản Na Pù đi Khe Tà, xã Châu Nga, huyện Quỳnh Châu	1.000	450	
30	Xây dựng nhà văn hóa cộng đồng bản Na Pù, xã Châu Nga, huyện Quỳnh Châu	1.800	652	
31	Xây dựng nhà văn hóa cộng đồng bản Poọng, xã Châu Nga, huyện Quỳnh Châu	1.807		
32	Xây dựng công trình thủy lợi bản Poọng, xã Châu Nga, huyện Quỳnh Châu	900		
33	Xây dựng đường giao thông bản Na Pù đi Khe Pù, xã Châu Nga, huyện Quỳnh Châu	1.400		
	Xã Châu Thắng	10.199	2.040	
34	Xây dựng nhà học và các công trình phụ trợ, Trường mầm non Châu Thắng, huyện Quỳnh Châu	2.900	1.150	
35	Xây dựng kênh mương Na Ngai, bản Xẹt 1, xã Châu Thắng, huyện Quỳnh Châu	500	200	
36	Xây dựng nhà văn hóa cộng đồng bản Càng Bài, xã Châu Thắng, huyện Quỳnh Châu.	1.600	690	

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022	Ghi chú
1	2	3	4	5
37	Xây dựng nhà văn hóa cộng đồng bản Xẹt 1, xã Châu Thắng, huyện Quỳnh Châu.	1.500		
38	Xây dựng đường giao thông bản Chiềng Ban, xã Châu Thắng, huyện Quỳnh Châu	2.199		
39	Xây dựng đường giao thông nội vùng bản Xẹt 1, xã Châu Thắng, huyện Quỳnh Châu	500		
40	Xây dựng đường giao thông nội vùng bản Căng Bài, xã Châu Thắng, huyện Quỳnh Châu	1.000		
	Xã Châu Phong	10.387	2.077	
41	Xây dựng nhà học Trường tiểu học Phong 2, xã Châu Phong, huyện Quỳnh Châu	2.700	1.100	
42	Xây dựng đập khe Canh Cúc, bản Luồng, xã Châu Phong, huyện Quỳnh Châu	600	350	
43	Nâng cấp, mở rộng và xây dựng các công trình phụ trợ nhà văn hóa cộng đồng bản Ban, xã Châu Phong, huyện Quỳnh Châu	700	400	
44	Xây dựng công trình phụ trợ, Trường tiểu học Châu Phong 1, điểm bản Ban, xã Châu Phong, huyện Quỳnh Châu	500	227	
45	Xây dựng nhà văn hóa cộng đồng bản Tầm, xã Châu Phong, huyện Quỳnh Châu	1.800		
46	Xây dựng đường giao thông bản Lim, xã Châu Phong, huyện Quỳnh Châu	1.000		
47	Xây dựng tuyến kênh mương bê tông Na Pại, bản Tầm, xã Châu Phong, huyện Quỳnh Châu	500		
48	Cải tạo nhà văn hóa cộng đồng bản Lầu, xã Châu Phong, huyện Quỳnh Châu.	900		
49	Mở rộng và xây dựng các công trình phụ trợ nhà văn hóa cộng đồng bản Đôm 2, xã Châu Phong, huyện Quỳnh Châu	600		
50	Xây dựng đường giao thông nội bản Tầm, xã Châu Phong, huyện Quỳnh Châu	1.087		
	Xã Châu Hoàn	10.392	2.078	
51	Xây dựng nhà học trường TH Châu Hoàn, xã Châu Hoàn, huyện Quỳnh Châu	3.000	1.250	
52	Mở rộng nhà văn hóa cộng đồng bản Liên Canh, xã Châu Hoàn, huyện Quỳnh Châu	1.000	480	
53	Xây dựng sân và Hệ thống thoát nước trường THCS và Tiểu học Châu Hoàn, xã Châu Hoàn, huyện Quỳnh Châu	700	348	
54	Xây dựng nhà văn hóa cộng đồng bản Liên Minh, xã Châu Hoàn, huyện Quỳnh Châu	2.000		
55	Xây dựng nhà văn hóa cộng đồng bản Nật Trên, xã Châu Hoàn, huyện Quỳnh Châu	2.000		
56	Cải tạo, nâng cấp nhà công vụ, nhà bếp và các công trình phụ trợ Trường tiểu học Châu Hoàn, huyện Quỳnh Châu	1.000		
57	Xây dựng kênh mương Na Xai, Na Tèn, bản Nật Trên, xã Châu Hoàn, huyện Quỳnh Châu	692		
	Xã Diên Lãm	10.411	2.082	
58	Mở rộng nhà văn hóa cộng đồng bản Hốc, xã Diên Lãm, huyện Quỳnh Châu	1.100	400	

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022	Ghi chú
1	2	3	4	5
59	Mở rộng và xây dựng các công trình phụ trợ Nhà văn hóa cộng đồng bản Chao, xã Diên Lãm, huyện Quỳnh Châu	1.000	400	
60	Xây dựng nương bản Chao, xã Diên Lãm, huyện Quỳnh Châu	790	315	
61	Xây dựng đường giao thông nội vùng bản Na Lạnh, xã Diên Lãm, huyện Quỳnh Châu	1.200	480	
62	Xây dựng cầu tràn bản Hốc, xã Diên Lãm, huyện Quỳnh Châu	1.700	487	
63	Xây dựng đường bê tông nội bản Cướm, xã Diên Lãm, huyện Quỳnh Châu.	1.000		
64	Xây dựng cầu tràn bản Na Lạnh, xã Diên Lãm, huyện Quỳnh Châu.	3.621		
VIII.2	Thôn ĐBK	1.392	278	
	Xã Châu Bính	1.392	278	
	Bản Nông Trang	1.392	278	
1	Xây dựng nhà văn hóa cộng đồng bản Nông Trang, xã Châu Bính, huyện Quỳnh Châu	1.392	278	
VIII.3	Cải tạo, nâng cấp trạm y tế xã	1.484	800	
1	Cải tạo, nâng cấp trạm y tế xã Châu Hội, huyện Quỳnh Châu	742	400	
2	Cải tạo, nâng cấp trạm y tế xã Châu Hoàn, huyện Quỳnh Châu	742	400	
VIII.4	Xây mới chợ vùng đồng bào DTTS&MN	4.082	2.000	
1	Xây dựng mới Đình chợ và công trình phụ trợ xã Châu Hạnh, huyện Quỳnh Châu	4.082	2.000	
VIII.5	Cải tạo, nâng cấp chợ vùng đồng bào DTTS&MN	742	400	
1	Cải tạo nâng cấp Chợ xã Châu Bính, huyện Quỳnh Châu	742	400	
IX	Huyện Quỳnh Hợp	216.289	44.873	
IX.1	Xã ĐBK (khu vực III)	140.031	29.469	
	Xã Bắc Sơn	9.983	1.997	
1	Xây dựng công trình phụ trợ Trường mầm non Bắc Sơn	600	570	
2	Xây dựng nhà 02 tầng và các công trình phụ trợ trạm y tế xã Bắc Sơn	4.900		
3	Xây dựng đập, nương thủy lợi Bản Vạn Ngụ	1.100		
4	Xây dựng đập, nương thủy lợi Bản Vi	900		
5	Xây dựng đường giao thông bản Vạn Ngụ, xã Bắc Sơn	2.483	1.427	
	Xã Châu Đình	9.850	1.805	
6	Xây dựng nhà văn hóa xóm Na Hầm, xã Châu Đình	850	808	
7	Xây dựng nhà văn hóa xóm Tam Đảo, xã Châu Đình	850	808	
8	Xây dựng bổ sung 01 gian nhà văn hóa xóm Mỹ Tân, xã Châu Đình	200	190	
9	Xây dựng nhà văn hóa xóm Diêm, xã Châu Đình	850		
10	Xây dựng nhà văn hóa xóm Xuân Đình, xã Châu Đình	850		
11	Xây dựng nhà văn hóa Bản Hốc, xã Châu Đình	850		
12	Xây dựng Nhà 2 tầng Trường tiểu học xã Châu Đình	5.400		
	Xã Châu Hồng	9.914	2.915	
13	Xây dựng nhà học, nhà bếp và các công trình phụ trợ Trường mầm non xã Châu Hồng	4.364	2.915	
14	Cải tạo, nâng cấp đập và nương Nậm Tiu	1.100		

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022	Ghi chú
1	2	3	4	5
15	Xây dựng đài phát thanh và cụm chuyển tiếp đài phát thanh xã	350		
16	Xây dựng nhà văn hóa bản Poòng và Cải tạo, nâng cấp nhà văn hóa Bản Công	1.200		
17	Cải tạo, nâng cấp nương bản Phảy đi Na Noong	500		
18	Cải tạo, nâng cấp nhà văn hóa: bản Hy, bản Na Noong, bản Huồng	1.400		
19	Xây dựng đường giao thông nông thôn Na Hiêng-Na Noong	1.000		
	Xã Châu Thái	9.851	1.872	
20	Xây dựng đường giao thông xóm Bù Sành, xã Châu Thái	1.140	1.083	
21	Cải tạo công trình vệ sinh và xây mới bếp ăn Trường mầm non cụm Hưng Long, nền và lát gạch Trường mầm non cụm Đồng Minh xã Châu Thái	700	665	
22	Cải tạo phòng tin học Trường tiểu học cụm Đồng Minh xã Châu Thái	130	124	
23	Xây dựng nhà 2 tầng Trường tiểu học Châu Thái, cụm bản Tiêng, xã Châu Thái	5.600		
24	Xây dựng công trình phụ trợ Trường THCS xã Châu Thái	300		
25	Xây dựng nương Tòong xóm Liên Minh, Đồng Minh, xã Châu Thái	1.000		
26	Xây dựng đường giao thông xóm bản Tiêng, xã Châu Thái	981		
	Xã Châu Tiến	9.976	1.995	
27	Xây dựng nhà 2 tầng Trường mầm non Châu Tiến	5.500	1.995	
28	Cải tạo, nâng cấp Trạm Y tế xã Châu Tiến	600		
29	Xây dựng 02 phòng học Trường tiểu học xã Châu Tiến, huyện Quỳnh Hợp	1.200		
30	Xây dựng nhà văn hóa cộng đồng bản Phúc Tiến, xã Châu Tiến, huyện Quỳnh Hợp	1.338		
31	Xây dựng nhà văn hóa cộng đồng bản Hợp Tiến, xã Châu Tiến, huyện Quỳnh Hợp	1.338		
	Xã Hạ Sơn	10.030	2.006	
32	Xây dựng nhà 02 tầng và các công trình phụ trợ trạm y tế xã Hạ Sơn	4.900	2.006	
33	Xây dựng công trình bếp ăn cụm Cồn Tô Trường mầm non xã Hạ Sơn	930		
34	Xây dựng công trình Đài truyền thanh cơ sở	500		
35	Xây dựng Nhà 2 tầng Trường tiểu học xã Hạ Sơn	3.700		
	Xã Liên Hợp	10.913	3.538	
36	Xây dựng nhà 02 tầng và các công trình phụ trợ trạm y tế xã Liên Hợp	4.900	3.538	
37	Xây dựng phòng Tin học và phòng Mỹ thuật Trường tiểu học xã Liên Hợp	1.400		
38	Xây dựng công trình Đài Truyền thanh cơ sở xã Liên Hợp	500		
39	Xây dựng đường giao thông bê tông Na Cọ, xóm Duộc xã Liên Hợp	1.200		
40	Xây dựng đường giao thông bê tông Na Cáo, bản Khột Xài, xã Liên Hợp	900		

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022	Ghi chú
1	2	3	4	5
41	Xây dựng đường giao thông bê tông nội đồng xóm Quên, xã Liên Hợp	1.013		
42	Xây dựng đường giao thông Na phở, bản Khột Xài, xã Liên Hợp	600		
43	Xây dựng đường giao thông Na khó, xóm Quên, xã Liên Hợp (Đoạn 1)	400		
	Xã Văn Lợi	9.895	1.880	
44	Xây dựng hai phòng học và kê chống sạt Trường mầm non cụm Đại Xuân, xã Văn Lợi	1.979	1.880	
45	Xây dựng Nhà 2 tầng Trường tiểu học Văn Lợi	5.600		
46	Xây dựng đường giao thông nông thôn xóm Thắng Lợi, xã Văn Lợi	800		
47	Xây dựng đường giao thông nông thôn xóm Đại Thành, xã Văn Lợi	800		
48	Xây dựng kênh mương xóm Tây Lợi, xã Văn Lợi	716		
	Xã Châu Lộc	9.864	1.973	
49	Xây dựng trung tâm học tập cộng đồng xã Châu Lộc	3.100	1.973	
50	Xây dựng nhà học bộ môn và công trình phụ trợ Trường tiểu học Châu Lộc	3.000		
51	Xây dựng công trình Đài Truyền thanh cơ sở xã Châu Lộc	600		
52	Xây dựng đường Giao thông nông thôn xóm Lìn tuyến 3, xã Châu Lộc	1.000		
53	Xây dựng đường Giao thông nông thôn xóm Khúc tuyến 2, xã Châu Lộc	640		
54	Xây dựng đường giao thông nông thôn xóm Ính tuyến 3, xã Châu Lộc	600		
55	Cải tạo, nâng cấp đập Na nhau xóm Khúc, xã Châu Lộc	924		
	Xã Nam Sơn	10.042	2.008	
56	Xây dựng nhà học 2 tầng và công trình phụ trợ Trường mầm non Nam Sơn	5.830	2.008	
57	Xây dựng nhà bếp Trạm y tế xã Nam Sơn	400		
58	Xây dựng công trình Đài Truyền thanh cơ sở xã Nam Sơn	400		
59	Xây dựng đường giao thông Bản Quảng - Na Lèn, xóm 1	1.100		
60	Xây dựng đường giao thông xã Nam Sơn	2.312		
	Xã Châu Cường	9.951	1.990	
61	Xây dựng công trình phụ trợ, cải tạo mái nhà Trường mầm non Châu Cường	1.500	1.140	
62	Xây dựng công trình phụ trợ trường THCS xã Châu Cường	900	850	
63	Xây dựng nhà 01 tầng Trường trung học Châu Cường	2.600		
64	Cải tạo, nâng cấp Trường mầm non Châu Cường	700		
65	Xây dựng công trình thiết chế khu vực giáo dục trải nghiệm Trường mầm non Châu Cường	451		
66	Xây mới nhà và công trình phụ trợ Nhà sinh hoạt cộng đồng bản Nhang Thắm	1.400		
67	Xây dựng đường bê tông xi măng Đồng Tiến	500		
68	Xây dựng đường bê tông xi măng bản Tèo	500		

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022	Ghi chú
1	2	3	4	5
69	Xây dựng đường bê tông xi măng bản Nhội	500		
70	Xây dựng đường bê tông xi măng bản Nhạ Nạt	300		
71	Xây dựng công trình Đài Truyền thanh cơ sở xã Châu Cường	400		
72	Xây dựng công trình bai Bản Khi	200		
	Xã Yên Hợp	9.873	1.875	
73	Xây dựng phòng học Trường trung học cơ sở xã Yên Hợp, huyện Quỳnh Hợp	1.975	1.875	
74	Xây dựng nhà 02 tầng phòng, Trường tiểu học xã Yên Hợp, huyện Quỳnh Hợp	5.598		
75	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm học tập cộng đồng xã Yên Hợp, huyện Quỳnh Hợp	800		
76	Xây dựng đường giao thông tuyến Thái Lão - bản Thơ (đoạn 5), xã Yên Hợp, huyện Quỳnh Hợp	1.000		
77	Xây dựng nhà văn hóa cộng đồng xóm Bọc, xã Yên Hợp, huyện Quỳnh Hợp	500		
	Xã Châu Lý	9.863	1.710	
78	Xây dựng nhà văn hóa cộng đồng bản Chộng Bùng và công trình phụ trợ khác	1.800	1.710	
79	Nâng cấp, cải tạo công trình phụ trợ Trường tiểu học Châu lý 2.	663		
80	Xây dựng nhà văn hóa cộng đồng bản Côn Xáo và công trình phụ trợ khác	1.800		
81	Xây dựng nhà 2 tầng Trường mầm non Châu Lý	5.000		
82	Xây dựng công trình Đài Truyền thanh cơ sở xã Châu Lý	600		
	Xã Châu Thành	10.026	1.905	
83	Xây dựng đường giao thông nông thôn Bình Tiến, xã Châu Thành	1.005	955	
84	Xây dựng đường giao thông nông thôn Trung Thành, xã Châu Thành	1.000	950	
85	Xây dựng nhà 2 tầng Trường tiểu học Châu Thành	5.521		
86	Xây dựng công trình phụ trợ Trường tiểu học Châu Thành	500		
87	Xây dựng công trình phụ trợ Trường mầm non Châu Thành (Na Án)	500		
88	Xây dựng đường giao thông nông thôn xóm Na Án, xã Châu Thành	1.000		
89	Xây dựng đường giao thông nông thôn xóm bản Cô, xã Châu Thành	500		
IX.2	Thôn ĐBK	13.916	2.504	
	Xã Đồng Hợp	2.783	556	
	Xóm Đồng Chiềng	1.392	278	
1	Xây dựng đường bê tông giao thông nông thôn xóm Đồng Chiềng, xã Đồng Hợp	1.392	278	
	Xóm Bản Mát	1.391	278	
2	Xây dựng đường bê tông giao thông nông thôn xóm bản Mát, xã Đồng Hợp	1.391	278	
	Xã Thọ Hợp	1.392	279	
	Xóm Cốc Mắm	1.392	279	

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022	Ghi chú
1	2	3	4	5
3	Xây dựng công trình điện thấp sáng công cộng xóm Cốc Mắm, xã Thọ Hợp	400	279	
4	Xây dựng công trình phụ trợ nhà văn hóa xóm Cốc Mắm, xã Thọ Hợp	400		
5	Xây dựng đường giao thông nông thôn xóm Cốc Mắm, xã Thọ Hợp	592		
	Xã Tam Hợp	1.392		
	Xóm Đồng Chạo	1.392		
6	Xây dựng nhà văn hoá và công trình phụ trợ xóm Đồng Chạo, xã Tam Hợp	1.392		
	Xã Minh Hợp	1.392	279	
	Xóm Minh Tiến	1.392	279	
7	Xây dựng đường bê tông nông thôn xóm Minh Tiến, xã Minh Hợp	1.392	279	
	Xã Nghĩa Xuân	2.783	556	
	Xóm Mỏ	1.391	278	
8	Xây dựng đường giao thông nông thôn xóm Mỏ, xã Nghĩa Xuân	1.391	278	
	Xóm Mo Mới	1.392	278	
9	Xây dựng các tuyến đường giao thông nông thôn trên địa bàn xóm Mo Mới, xã Nghĩa Xuân	1.392	278	
	Xã Châu Quang	4.174	834	
	Xóm Bàn Ảng	1.392	834	
10	Xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng xóm Bàn Ảng, xã Châu Quang	1.392	834	
	Xóm Yên Luồm	1.391		
11	Xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng xóm Yên Luồm, xã Châu Quang	1.391		
	Bản Cà	1.391		
12	Xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng bản Cà, xã Châu Quang	1.391		
IX.3	Cứng hoá đường đến trung tâm xã, đường liên xã chưa được cứng hóa	57.889	10.500	
1	Xây dựng đường giao thông liên xã Châu Lộc - Tam Hợp, huyện Quỳnh Hợp	4.000	2.500	
2	Xây dựng đường giao thông liên xã Châu Đình - Thọ Hợp, huyện Quỳnh Hợp	7.000	4.500	
3	Xây dựng đường giao thông xã Yên Hợp đi quốc lộ 48	6.500	3.500	
4	Xây dựng đường giao thông liên xã Tam Hợp - Đồng Hợp, huyện Quỳnh Hợp	7.000		
5	Xây dựng đường giao thông liên xã Văn Lợi - xã Minh Hợp, huyện Quỳnh Hợp	6.500		
6	Xây dựng đường giao thông liên xã Minh Hợp - Hạ Sơn, huyện Quỳnh Hợp	6.889		
7	Xây dựng đường giao thông từ xã Bắc Sơn, huyện Quỳnh Hợp đi xã Thạch Ngàn, huyện Con Cuông	20.000		
IX.4	Xây mới trạm y tế xã	3.711	2.000	
1	Xây dựng Nhà 2 tầng trạm Y tế xã Văn Lợi, huyện Quỳnh Hợp	3.711	2.000	
IX.5	Cải tạo, nâng cấp chợ vùng đồng bào DTTS&MN	742	400	

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022	Ghi chú
1	2	3	4	5
1	Xây dựng, cải tạo mạng lưới chợ Châu Hồng, huyện Quý Hợp	742	400	
X	Huyện Nghĩa Đàn	29.594	10.915	
X.1	Thôn ĐBK	12.524	2.515	
	Xã Nghĩa Mai	4.174	834	
	Làng Mai Thái	1.391	278	
1	Xây dựng nhà văn hóa và công trình phụ trợ Làng Mai Thái, xã Nghĩa Mai, huyện Nghĩa Đàn	1.391	278	
	Làng Dân	1.391	278	
2	Xây dựng nhà văn hóa và công trình phụ trợ Làng Dân, xã Nghĩa Mai, huyện Nghĩa Đàn	1.391	278	
	Làng Bái	1.392	278	
3	Xây dựng tường rào, sân; cải tạo, nâng cấp nhà văn hóa văn hóa Làng Bái, xã Nghĩa Mai, huyện Nghĩa Đàn	592	278	
4	Xây dựng đường bê tông nông thôn Làng Bái, xã Nghĩa Mai, huyện Nghĩa Đàn	800		
	Xã Nghĩa Lạc	2.783	567	
	Xóm Mỏn	1.392	289	
5	Xây dựng nhà văn hóa cộng đồng xóm Mỏn, xã Nghĩa Lạc, huyện Nghĩa Đàn (Nhà sàn dân tộc)	1.392	289	
	Xóm Gày	1.391	278	
6	Xây dựng nhà văn hóa và công trình phụ trợ xóm Gày, xã Nghĩa Lạc, huyện Nghĩa Đàn	1.391	278	
	Xã Nghĩa Thọ	1.392	279	
	Xóm Trống	1.392	279	
7	Xây dựng nhà văn hóa và công trình phụ trợ xóm Trống, xã Nghĩa Thọ, huyện Nghĩa Đàn	1.392	279	
	Xã Nghĩa Lợi	1.392	279	
	Xóm Tân Cay	1.392	279	
8	Xây dựng các tuyến đường bê tông nông thôn trên địa bàn xóm Tân Cay, xã Nghĩa Lợi, huyện Nghĩa Đàn	992	279	
10	Cải tạo, nâng cấp nhà văn hóa xóm Tân Cay, xã Nghĩa Lợi, huyện Nghĩa Đàn	400		
	Xã Nghĩa Đức	2.783	556	
	Xóm Nung	1.392	278	
11	Xây dựng đường bê tông nông thôn xóm Nung, xã Nghĩa Đức, huyện Nghĩa Đàn	1.392	278	
	Xóm Ráng	1.391	278	
12	Xây dựng đường bê tông nông thôn xóm Ráng, xã Nghĩa Đức, huyện Nghĩa Đàn	1.391	278	
X.2	Củng cố đường đến trung tâm xã, đường liên xã chưa được củng cố	16.328	8.000	
1	Đường giao thông liên xã Nghĩa Thọ đi Nghĩa Phú, huyện Nghĩa Đàn	1.484	1.484	
2	Đường giao thông nông thôn đi từ làng Cáo đi làng Dân, xã Nghĩa Mai, huyện Nghĩa Đàn	2.523	2.523	
3	Đường giao thông liên xã Nghĩa Minh đi Nghĩa Yên, huyện Nghĩa Đàn	4.898	3.993	
4	Đường giao thông nông thôn xóm Lung Thượng đi Làng Lác xã Nghĩa Lạc	2.970		

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022	Ghi chú
1	2	3	4	5
5	Xây dựng đường giao thông nông thôn xã Nghĩa Hưng đến QL 48 E, huyện Nghĩa Đàn	2.375		
6	Xây dựng đường giao thông nông thôn từ xã Nghĩa Đức, huyện Nghĩa Đàn đến xã Tân Phú, huyện Tân Kỳ	2.078		
X.3	Cải tạo, nâng cấp trạm y tế xã	742	400	
1	Cải tạo, nâng cấp Trạm y tế xã Nghĩa Lạc, huyện Nghĩa Đàn	742	400	
XI	Huyện Quỳnh Lưu	5.845	5.079	
XI.1	Thôn ĐBK	1.392	626	
	Xã Quỳnh Thắng	1.392	626	
	Bản Trung Tiến	1.392	626	
1	Nâng cấp đường giao thông nông thôn bản Trung Tiến, xã Quỳnh Thắng	1.392	626	
XI.2	Cứng hoá đường đến trung tâm xã, đường liên xã chưa được cứng hóa	4.453	4.453	
1	Xây dựng tuyến đường từ xã Tân Thắng đi quốc lộ 48D	4.453	4.453	

Phụ lục V

**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH
MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI
GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ NĂM 2022**

Dự án 5 (Tiểu dự án 1): Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số

(Kèm theo Nghị quyết số: 45/NQ-HĐND ngày 12 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022	Ghi chú
1	2	3	4	5
	TỔNG CỘNG	418.722	75.370	
I	Sở Giáo dục và Đào tạo	62.808	11.000	
1	Xây dựng một số hạng mục Trường phổ thông trung học dân tộc nội trú tỉnh Nghệ An	62.808	11.000	
II	Huyện Kỳ Sơn	43.627	8.370	
1	Xây dựng nhà học 2 tầng Trường PTDTBT THCS Bảo Nam, xã Bảo Nam, huyện Kỳ Sơn	3.300	1.300	
2	Xây dựng nhà học và nhà ăn học sinh Trường PTDTBT THCS Keng Đu, xã Keng Đu, huyện Kỳ Sơn	5.677	2.270	
3	Xây dựng nhà học 2 tầng Trường PTDTBT TH Bắc Lý 1, xã Bắc Lý, huyện Kỳ Sơn	3.300	1.300	
4	Xây dựng nhà học 2 tầng Trường PTDTBT THCS Na Loi, xã Na Loi, huyện Kỳ Sơn	4.400	1.750	
5	Xây dựng nhà học 2 tầng Trường PTDTBT THCS Mỹ Lý, xã Mỹ Lý, huyện Kỳ Sơn	4.400	1.750	
6	Xây dựng nhà học 2 tầng và nhà ở học sinh bán trú Trường PTDTBT THCS Na Ngoi, xã Na Ngoi, huyện Kỳ Sơn	8.800		
7	Xây dựng nhà học 3 tầng Trường PTDTBT TH Tà Cạ, xã Tà Cạ, huyện Kỳ Sơn	4.950		
8	Xây dựng nhà học 2 tầng Trường PTDTBT TH Mường Ải, xã Mường Ải, huyện Kỳ Sơn	4.400		
9	Xây dựng nhà học và nhà ở học sinh Trường PTDTBT THCS Nậm Típ, huyện Kỳ Sơn	4.400		
III	Huyện Tương Dương	47.607	9.000	
1	Xây dựng nhà ở nội trú, nhà kho, nhà sinh hoạt, giáo dục văn hóa dân tộc, các hạng mục phụ trợ và cải tạo, nâng cấp nhà ở nội trú xuống cấp Trường PTDTNT THCS huyện Tương Dương	14.997	9.000	
2	Xây dựng nhà công vụ giáo viên, nhà ở nội trú học sinh, nhà bếp ăn và các hạng mục phụ trợ Trường THCS Yên Hòa, huyện Tương Dương	9.500		Trường có HSBT
3	Xây dựng nhà ở nội trú học sinh, nhà bếp ăn và các hạng mục phụ trợ Trường PTDTBT THCS Hữu Khuông, huyện Tương Dương	12.010		
4	Xây dựng nhà học chức năng, nhà ở nội trú học sinh, nhà bếp ăn và các hạng mục phụ trợ Trường PTDTBT THCS Mai Sơn, huyện Tương Dương	11.100		
IV	Huyện Con Cuông	109.282	20.000	

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022	Ghi chú
1	2	3	4	5
1	Xây dựng, cải tạo một số hạng mục Trường PTDTBT THCS Châu Cam, huyện Con Cuông	13.500	8.000	
2	Xây dựng, cải tạo một số hạng mục Trường PTDTBT THCS Thạch Ngàn, huyện Con Cuông	12.037	6.000	
3	Xây dựng Trường PTDTNT THCS huyện Con Cuông	83.745	6.000	
V	Huyện Quế Phong	58.783	10.000	
1	Xây dựng, nâng cấp Trường PTDTNT THCS huyện Quế Phong	24.470	4.000	
2	Xây dựng, nâng cấp Trường PTDTBT THCS Thông Thụ	20.956	6.000	
3	Xây dựng, nâng cấp trường PTDTBT THCS Tri Lễ	13.357		
VI	Huyện Quỳnh Châu	35.505	6.000	
1	Cải tạo, nâng cấp và xây dựng một số hạng mục Trường PTDTNT THCS huyện Quỳnh Châu	8.776	1.902	
2	Cải tạo, nâng cấp và xây dựng một số hạng mục Trường PTDTBT THCS Châu Phong, huyện Quỳnh Châu	19.043	2.968	
3	Cải tạo, nâng cấp và xây dựng một số hạng mục Trường THCS Châu Bình, huyện Quỳnh Châu	7.686	1.130	Trường có HSBT
VII	Huyện Quỳnh Hợp	61.110	11.000	
1	Xây dựng một số hạng mục Trường PTDTNT THCS huyện Quỳnh Hợp	23.572	6.000	
2	Xây dựng một số hạng mục Trường PTDTBT THCS Châu Lộc, huyện Quỳnh Hợp	16.659	5.000	
3	Xây dựng một số hạng mục Trường PTDTBT THCS Châu Thành, huyện Quỳnh Hợp	11.583		
4	Xây dựng một số hạng mục Trường PTDTBT THCS Hồng Tiến, huyện Quỳnh Hợp	9.296		

Phụ lục VI

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ NĂM 2022

Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch
(Kèm theo Nghị quyết số: 45/NQ-HĐND ngày 12 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022	Ghi chú
1	2	3	4	5
	TỔNG CỘNG	77.403	17.730	
I	Sở Văn hóa và Thể thao	30.756	128	
	Hỗ trợ đầu tư bảo tồn làng, bản văn hóa truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số	15.378	128	
1	Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống tại bản Hoa Tiến, xã Châu Tiến, huyện Quỳnh Châu	15.378	128	
	Hỗ trợ tu bổ, tôn tạo cho di tích	15.378		
2	Tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị di tích Nhà cụ Vi Văn Khang tại xã Môn Sơn, huyện Con Cuông	15.378		
II	Huyện Kỳ Sơn	9.228	3.588	
1	Xây dựng nhà văn hoá bản Huồi Thum, xã Na Ngoi, huyện Kỳ Sơn	1.300	450	
2	Xây dựng nhà văn hoá bản Huồi Xài, xã Na Ngoi, huyện Kỳ Sơn	1.300	450	
3	Xây dựng nhà văn hoá bản Xốp Típ, xã Mường Típ, huyện Kỳ Sơn	1.300	500	
4	Xây dựng nhà văn hoá bản Kẹo Nam, xã Bắc Lý, huyện Kỳ Sơn	1.400	519	
5	Xây dựng nhà văn hoá bản Huồi Khơ, xã Đoọc Mạy, huyện Kỳ Sơn	1.400	519	
6	Xây dựng nhà văn hoá bản Phà Nội, xã Đoọc Mạy, huyện Kỳ Sơn	1.300	450	
7	Cải tạo, nâng cấp nhà văn hoá bản Huồi Phuôn 1, xã Keng Đu, huyện Kỳ Sơn	614	350	
8	Cải tạo, nâng cấp nhà văn hoá bản Kẹo Con, xã Keng Đu, huyện Kỳ Sơn	614	350	
III	Huyện Tương Dương	4.870	2.222	
1	Xây dựng cơ sở hạ tầng các điểm đến du lịch tiêu biểu huyện Tương Dương	1.794		
2	Xây dựng nhà văn hóa cộng đồng bản Nhôn Mai, xã Nhôn Mai, huyện Tương Dương	1.530	1.111	
3	Xây dựng nhà văn hóa cộng đồng bản Con Mương, xã Lưu Kiền, huyện Tương Dương	1.546	1.111	
IV	Huyện Con Cuông	5.382	1.540	
1	Xây dựng cơ sở hạ tầng điểm đến tại khu du lịch cộng đồng bản Khe Rạn, xã Bồng Khê, huyện Con Cuông	1.500		
2	Mở rộng, nâng cấp nhà văn hóa cộng đồng bản Xiềng, xã Môn Sơn, huyện Con Cuông	500	400	
3	Mở rộng, nâng cấp nhà văn hóa cộng đồng bản Xăng, xã Lục Dạ, huyện Con Cuông	500	400	

Đơn vị: triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022	Ghi chú
1	2	3	4	5
4	Cải tạo, nâng cấp nhà văn hóa cộng đồng bản Cai, xã Cam Lâm, huyện Con Cuông	450		
5	Cải tạo, nâng cấp nhà văn hóa cộng đồng bản Cống, xã Cam Lâm, huyện Con Cuông	500		
6	Xây dựng nhà văn hóa cộng đồng bản Boong, xã Lạng Khê, huyện Con Cuông	932	500	
7	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng nhà văn hóa cộng đồng bản Xiềng, xã Đôn Phục, huyện Con Cuông	500	240	
8	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng nhà văn hóa cộng đồng bản Tông, xã Bình Chuẩn, huyện Con Cuông	500		
V	Huyện Anh Sơn	4.357		
1	Xây dựng công trình điểm đến du lịch tiêu biểu	1.794		
2	Cải tạo, nâng cấp nhà văn hóa và sân thể thao thôn Kim Tiến, xã Phúc Sơn, huyện Anh Sơn	512		
3	Cải tạo, nâng cấp nhà văn hóa, khu thể thao bản Vều 4, xã Phúc Sơn, huyện Anh Sơn	512		
4	Cải tạo, nâng cấp khu thể thao bản Đông Thọ, xã Thọ Sơn, huyện Anh Sơn	513		
5	Xây dựng nhà văn hóa thôn Tân Hợp, xã Bình Sơn, huyện Anh Sơn	513		
6	Cải tạo, nâng cấp sân thể thao thôn Hùng Thành, xã Thành Sơn, huyện Anh Sơn	513		
VI	Huyện Tân Kỳ	5.382		
1	Cải tạo, nâng cấp đường vào hang Mỏ, mở rộng cửa hang Mỏ và các hạng mục phụ trợ điểm du lịch cộng đồng Bản Phảy - Thái Minh, xã Tiên Kỳ, huyện Tân Kỳ	1.794		
2	Xây dựng nhà văn hóa cộng đồng Bản Phảy - Thái Minh, xã Tiên Kỳ, huyện Tân Kỳ	512		
3	Xây dựng nhà văn hóa cộng đồng Bản Chiềng, xã Tiên Kỳ, huyện Tân Kỳ	513		
4	Xây dựng nhà văn hóa cộng đồng xóm Hồng Sơn, xã Tân Hợp, huyện Tân Kỳ	513		
5	Xây dựng nhà văn hóa cộng đồng xóm Đồng Tâm, xã Đồng Văn, huyện Tân Kỳ	513		
6	Xây dựng nhà văn hóa cộng đồng xóm Tiến Đồng, xã Đồng Văn, huyện Tân Kỳ	512		
7	Xây dựng nhà văn hóa cộng đồng xóm Đông Hoành, xã Nghĩa Phúc, huyện Tân Kỳ	513		
8	Xây dựng nhà văn hóa cộng đồng xóm Vạn Long, xã Giai Xuân, huyện Tân Kỳ	512		
VII	Huyện Quế Phong	6.920	5.126	
1	Xây dựng công trình điểm đến du lịch tiêu biểu: Điểm du lịch Đền Chín Gian, xã Châu Kim, huyện Quế Phong	1.794		
2	Xây dựng nhà văn hoá cộng đồng bản Mòng 2, xã Cẩm Muộn, huyện Quế Phong	1.025	1.025	
3	Cải tạo, nâng cấp khu văn hoá - thể thao khối bản Bon, thị trấn Kim Sơn, huyện Quế Phong	513	513	

Đơn vị: triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022	Ghi chú
1	2	3	4	5
4	Cải tạo, nâng cấp nhà văn hoá bản Na Chảo - Piêng Vãn, xã Đồng Vãn, huyện Quế Phong	513	513	
5	Cải tạo, nâng cấp nhà văn hoá cộng đồng bản Phương Tiến 2, xã Tiên Phong, huyện Quế Phong	513	513	
6	Cải tạo, nâng cấp nhà văn hoá cộng đồng bản Long Thắng, xã Hạnh Dịch, huyện Quế Phong	513	513	
7	Xây dựng khu thể thao bản Mường Phú, xã Thông Thụ, huyện Quế Phong	513	513	
8	Xây dựng khu thể thao bản Quang Vinh, xã Hạnh Dịch, huyện Quế Phong	512	512	
9	Xây dựng khu thể thao bản Chiềng Huống, xã Quang Phong, huyện Quế Phong	512	512	
10	Xây dựng khu thể thao bản Piêng Lãng, xã Nậm Giải, huyện Quế Phong	512	512	
VIII	Huyện Quỳnh Châu	5.126	5.126	
1	Xây dựng nhà văn hóa cộng đồng và các công trình phụ trợ bản Kê Bọn, xã Châu Hạnh, huyện Quỳnh Châu	1.700	1.700	
2	Xây dựng nhà văn hóa cộng đồng và các công trình phụ trợ bản Quỳnh 1, xã Châu Bình, huyện Quỳnh Châu	1.700	1.700	
3	Xây dựng nhà văn hóa cộng đồng và các công trình phụ trợ bản Chiềng, xã Châu Phong, huyện Quỳnh Châu	1.726	1.726	
IX	Huyện Quỳnh Hợp	5.382		
1	Xây dựng công trình điểm đến tại khu du lịch cộng đồng bản Chộng Bùng, xã Châu Lý, huyện Quỳnh Hợp	1.794		
2	Cải tạo nâng cấp nhà văn hóa xóm Châu Quệ, xã Châu Đình, huyện Quỳnh Hợp	512		
3	Cải tạo nâng cấp nhà văn hóa xóm Hợp Thành, xã Yên Hợp, huyện Quỳnh Hợp	512		
4	Cải tạo nâng cấp nhà văn hóa bản Khột Xải, xã Liên Hợp, huyện Quỳnh Hợp	513		
5	Cải tạo nâng cấp nhà văn hóa bản Pục Nháo, xã Bắc Sơn, huyện Quỳnh Hợp	513		
6	Cải tạo nâng cấp nhà văn hóa bản Cánh, xã Châu Tiến, huyện Quỳnh Hợp	513		
7	Cải tạo nâng cấp nhà văn hóa bản Cô, xã Châu Thành, huyện Quỳnh Hợp	513		
8	Cải tạo, nâng cấp khu thể thao xóm Nam Trường, xã Văn Lợi, huyện Quỳnh Hợp	512		

Phụ lục VII

**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH
MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI
GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ NĂM 2022**

**Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số;
phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em**

(Kèm theo Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 12 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022	Ghi chú
1	2	3	4	5
	TỔNG CỘNG	59.970	10.795	
I	Huyện Con Cuông	29.985	5.398	
1	Xây dựng Trung tâm Y tế huyện Con Cuông	29.985	5.398	
II	Huyện Quỳnh Hợp	29.985	5.397	
1	Xây dựng nhà khoa khám chữa bệnh, nhà khoa xét nghiệm và chẩn đoán hình ảnh, trạm điện; cải tạo nhà 2 tầng (Khoa Nội - Lây) Trung tâm Y tế huyện Quỳnh Hợp	29.985	5.397	

th

Phụ lục VIII

**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC
THIẾU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ NĂM 2022**

**Dự án 9 (tiểu dự án 1): Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc
còn nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù**

(Kèm theo Nghị quyết số: 45/NQ-HĐND ngày 12 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022	Ghi chú
1	2	3	4	5
	TỔNG CỘNG	97.306	17.515	
I	Huyện Con Cuông	87.389	15.730	
1	Nâng cấp tuyến đường từ trung tâm xã Môn Sơn đi bản Khe Búng	62.389	2.000	
2	Xây dựng kè chống sạt lở và bến đò cho khu vực dân cư bản Khe Búng và Co Phạt	5.000	3.000	
3	Xây dựng công trình nước sinh hoạt tập trung bản Co Phạt và bản Khe Búng	3.000	2.500	
4	Xây dựng công trình điện sinh hoạt cho cụm dân cư khe Lê và Co Kè thuộc bản Co Phạt	4.000	3.000	
5	Xây dựng đường giao thông nội bản Co Phạt-bản Khe Búng, xã Môn Sơn, huyện Con Cuông	4.000		
6	Xây dựng Trường tiểu học 2 Môn Sơn và Trường mầm non Môn Sơn (Điểm bản Co Phạt), huyện Con Cuông	9.000	5.230	
II	Huyện Tương Dương	9.917	1.785	
1	Xây dựng đường giao thông vào các khu sản xuất bản Văng Môn, xã Nga My, huyện Tương Dương	7.050	1.785	
2	Xây dựng công trình điện 04KV đến các khu sản xuất bản Văng Môn, xã Nga My, huyện Tương Dương	850		
3	Xây dựng công trình chống sạt lở khu dân cư bản Văng Môn, xã Nga My, huyện Tương Dương	2.017		

Chữ ký

Phụ lục IX

**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH
MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI
GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ NĂM 2022**

**Dự án 10 (tiểu dự án 2): Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội
và bảo đảm an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi**

(Kèm theo Nghị quyết số: 45/NQ-HĐND ngày 12 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022	Ghi chú
1	2	4	5	6
	TỔNG CỘNG	35.647		
I	Ban Dân tộc	4.634		
1	Chuyển đổi số trong tổ chức triển khai thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	4.634		
II	Sở Thông tin và Truyền thông	2.852		
1	Chuyển đổi số trong tổ chức triển khai thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	2.852		
III	Liên minh Hợp tác xã tỉnh	178		
1	Chuyển đổi số trong tổ chức triển khai thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	178		
IV	Huyện Kỳ Sơn	6.952		
1	Chuyển đổi số phục vụ công tác dân tộc trên địa bàn huyện Kỳ Sơn	6.952		
V	Huyện Tương Dương	4.401		
1	Chuyển đổi số phục vụ công tác dân tộc trên địa bàn huyện Tương Dương	4.401		
VI	Huyện Con Cuông	3.293		
1	Chuyển đổi số phục vụ công tác dân tộc trên địa bàn huyện Con Cuông	3.293		
VII	Huyện Anh Sơn	37		
1	Chuyển đổi số phục vụ công tác dân tộc trên địa bàn huyện Anh Sơn	37		
VIII	Huyện Thanh Chương	730		
1	Chuyển đổi số phục vụ công tác dân tộc trên địa bàn huyện Thanh Chương	730		
IX	Huyện Tân Kỳ	6		
1	Chuyển đổi số phục vụ công tác dân tộc trên địa bàn huyện Tân Kỳ	6		
X	Huyện Quế Phong	4.036		
1	Chuyển đổi số phục vụ công tác dân tộc trên địa bàn huyện Quế Phong	4.036		
XI	Huyện Quỳnh Châu	3.293		
1	Chuyển đổi số phục vụ công tác dân tộc trên địa bàn huyện Quỳnh Châu	3.293		
XII	Huyện Quỳnh Hợp	5.174		
1	Chuyển đổi số phục vụ công tác dân tộc trên địa bàn huyện Quỳnh Hợp	5.174		
XIII	Huyện Nghĩa Đàn	55		
1	Chuyển đổi số phục vụ công tác dân tộc trên địa bàn huyện Nghĩa Đàn	55		
XIV	Huyện Quỳnh Lưu	6		
1	Chuyển đổi số phục vụ công tác dân tộc trên địa bàn huyện Quỳnh Lưu	6		